





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

 +84-24-39877515

 info@haiants.vn

 www.haiants.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số : 0103818809 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 8 năm 2018
- Vốn điều lệ : 487.827.510.000 đồng
(*Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 487.827.510.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3987 7515 : Fax: (84-24) 3974 4022
- Website : www.haiants.vn
- Mã chứng khoán : HAH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2009

- Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tiền thân là Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An được thành lập ngày 08/05/2009 theo Giấy ĐKKD lần đầu và mã số thuế 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp với mức VĐL 150.000.000.000 đồng. Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An được hình thành trên cơ sở góp vốn của bốn đơn vị bao gồm Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An) và Công ty cổ phần Hải Minh.
- Tháng 05/2009, Công ty xây dựng bến container đầu tiên.

Năm 2010

- Tháng 08/2010, Công ty thực hiện lắp đặt cần cầu chuyên dụng 45 tấn đầu tiên tại cầu tàu.
- Tháng 10/2010, thành lập công ty con 100% vốn – Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP) có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201126468
- Sau 20 tháng triển khai xây dựng, Cảng Hải An hoàn thành giai đoạn 1.

- Ngày 15/12/2010, Lễ khánh thành cảng container Hải An được tổ chức và tàu container “MV Mell Senang” với trọng tải 700TEU của hãng Mariana Express Lines Pte cập bến.
- Ngày 07/10/2010 Công ty thực hiện tăng VDL lên 187,5 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần 5, với sự góp vốn thêm từ 3 công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2011

- Ngày 06/02/2011, tàu “MV Ice Moon” trọng tải 700TEU cập bến.
- Ngày 06/07/2011, tàu “MV Paphos” trọng tải 700TEU của hãng Yangming Marine Transport (YML) cập bến.
- Ngày 05/11/2011, tàu container “MV Vinalines Pioneer” của hãng K-line trọng tải 560TEU cập bến.
- Ngày 19/09/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An theo GCN ĐKKD lần thứ 6 với 7 cổ đông sáng lập là: Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An), Công ty cổ phần Hải Minh, Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2012

- Ngày 01/03/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 50% vốn thành lập Công ty TNHH Đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL) với GCN ĐKKD và mã số thuế số 0201244461.
- Ngày 13/04/2012, Công ty nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An và tăng VDL lên 231,96 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 7.
- Ngày 28/04/2012, tàu “MV Pacific Grace” của hãng Pendulum Express Lines Pte trọng tải 836TEU cập bến.
- Ngày 14/08/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 20% vốn thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải (HAS) sau được đổi tên thành Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) với Giấy CN ĐKKD và mã số thuế 0201275526.

Năm 2013

- Ngày 05/01/2013, tàu container “MV Methi Bhum” của hãng Regional Container Lines (RCL) trọng tải 1000TEU cập bến.
- Tháng 04/2013, Công ty nhận chứng nhận ISO 9001 – 2008.

- Ngày 04/07/2013, tàu “MV YM Inventive” trọng tải 1.805TEU là tàu container lớn nhất có chiều dài 172,5m cập bến làm hàng tại cảng Hải An.
- Ngày 01/09/2013, Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Hải Phòng

Năm 2014

- Tháng 01/2014, tàu Leadtop trọng tải 600TEU (chở container lạnh) cập bến.
- Tháng 04/2014, tàu của các hãng liên kết OEL/YML trọng tải 1000TEU cập bến.
- Ngày 19/03/2014, Công ty kí thỏa thuận mua tàu container đầu tiên. Ngày 08/05/2014, tiếp nhận tàu MV “Haiian Park” tại Thượng Hải và tổ chức “Lễ bàn giao tàu” tại Hamburg. Ngày 16/05/2014, tàu MV “Haiian Park” chính thức tham gia vào tuyến vận tải container nội địa.
- Ngày 11/06/2014, Công ty tổ chức Lễ tiếp nhận tàu và công bố tuyến vận chuyển container nội địa với lịch tàu 03 chuyến/tuần.
- Ngày 25/07/2014, Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban chấp thuận thành công ty đại chúng theo Công văn số 4886/UBCK-QLPH ngày 29/08/2014.
- Ngày 20/10/2014, Công ty tiếp nhận tàu container thứ hai MV “Haiian Song” trọng tải 1.121TEU tại Singapore và đưa tàu vào hoạt động trên tuyến Hồ Chí Minh/Hải Phòng từ cuối tháng 10/2014.
- Ngày 22/12/2014, Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Ngày 21/01/2015, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHCM.
- Ngày 11/03/2015, cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
 - + Loại chứng khoán: Phổ thông
 - + Mã chứng khoán: HAH
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
 - + Số lượng chứng khoán niêm yết hiện tại: 23.196.232 CP
- Tháng 9/2015, Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ ba, tàu mang tên là “HAIAN TIME” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại THAILAND ngày 29 tháng 09 năm 2015. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Nhật năm 2001, đăng kiểm NK, sức chở 1.032 Teus, trọng tải 18.055 DWT với mớn 9,050m, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ. Tàu đã được đưa vào khai thác chuyến đầu tiên trên tuyến Hồ Chí Minh - Hải Phòng vào ngày 05/10/2015.

- Tháng 11/2015, thành lập công ty con 50,5% vốn - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT), có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201655535.

Năm 2016

- Ngày 10/3/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An tổ chức “Lễ kỷ niệm một năm ngày niêm yết cổ phiếu HAH tại HOSE và khai trương tuyến Liner vào cảng Cái Mép”.
- Ngày 22/05/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An khai trương Chi nhánh “Hải An Vũng Tàu” tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2017

- Ngày 01/01/2017, HAH chính thức trở thành Tổng đại lý cho hãng tàu SM Line Corporation-Hàn Quốc tại Việt Nam.
- Tháng 3/2017: Chuyển tàu đầu tiên của SM Line cập cảng Việt Nam
- Tháng 5/2017: Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ tư, mang tên “HAIAN BELL” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại BUSAN, HÀN QUỐC ngày 08 tháng 5 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2003, hiện được phân cấp đăng kiểm GL (Đức), sức chở 1.200 Teus, trọng tải 14.308 DWT, tốc độ tối đa 19 hải lý/giờ.
- Tháng 6/2017: Công ty đã đầu tư thêm tàu container thứ năm, tàu “HAIAN FAIR”. Tàu được Công ty tổ chức tiếp nhận tại RIO DE JANEIRO, BRAZIL ngày 06 tháng 6 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2007, hiện được phân cấp đăng kiểm ABS (Hoa Kỳ), sức chở 1.706 Teus, trọng tải 18.017 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.
- Ngày 21/9/2017: Ký kết hợp đồng liên doanh với Pantos Holding Incorporation (Hàn Quốc) để thành lập công ty liên doanh đầu tiên với nước ngoài: Công ty TNHH Pan-Hải An (PANHAIAN) với GCN ĐKDN và MST số 0201815115.
- Ngày 25/12/2017: Công ty góp 40% vốn thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An (HAFC).

Năm 2018

- Hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An, hoàn tất việc xây dựng giai đoạn 1 của dự án (xây dựng depot có tổng diện tích 80.000 m²) và tiến hành khai thác từ tháng 8/2018.
- Tháng 11/2018, Công ty đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN LINK, đóng năm 2010 tại Nhật, sức chở 1.060 TEU, trọng tải 15.204 DWT.

Năm 2019

- Tháng 5/2019: Công ty đã đầu tư thêm tàu “HAIAN MIND, đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Quảng Ninh, Việt Nam năm 2012, sức chở 1.794 Teus, trọng tải 25.793,2 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.

- Tháng 10/2019, Công ty đã tiến hành đầu tư và xây dựng giai đoạn 2 dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An gồm các hạng mục: nhà kho CFS và văn phòng kho; hạ tầng kỹ thuật phụ trợ; bãi container và đường nội bộ (giai đoạn 2). Dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối tháng 4/2020.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa,
- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- + Dịch vụ logistics
- + Dịch vụ đại lý vận tải biển

- **Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị của công ty: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

| | |
|---------------------|---|
| Ông Vũ Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Vũ Thanh Hải | Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 01/8/2019) |
| Bà Trần Thị Hải Yến | Thành viên HĐQT |

| | |
|----------------------|---|
| Ông Trần Quang Tiến | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 11/4/2019) |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 11/4/2019) |
| Bà Nguyễn Thị Vân | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 11/4/2019) |

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

| | |
|------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú | Trưởng ban |
| Bà Trần Thị Thơm | Kiểm soát viên |
| Ông Nguyễn Xuân Lộc | Kiểm soát viên |

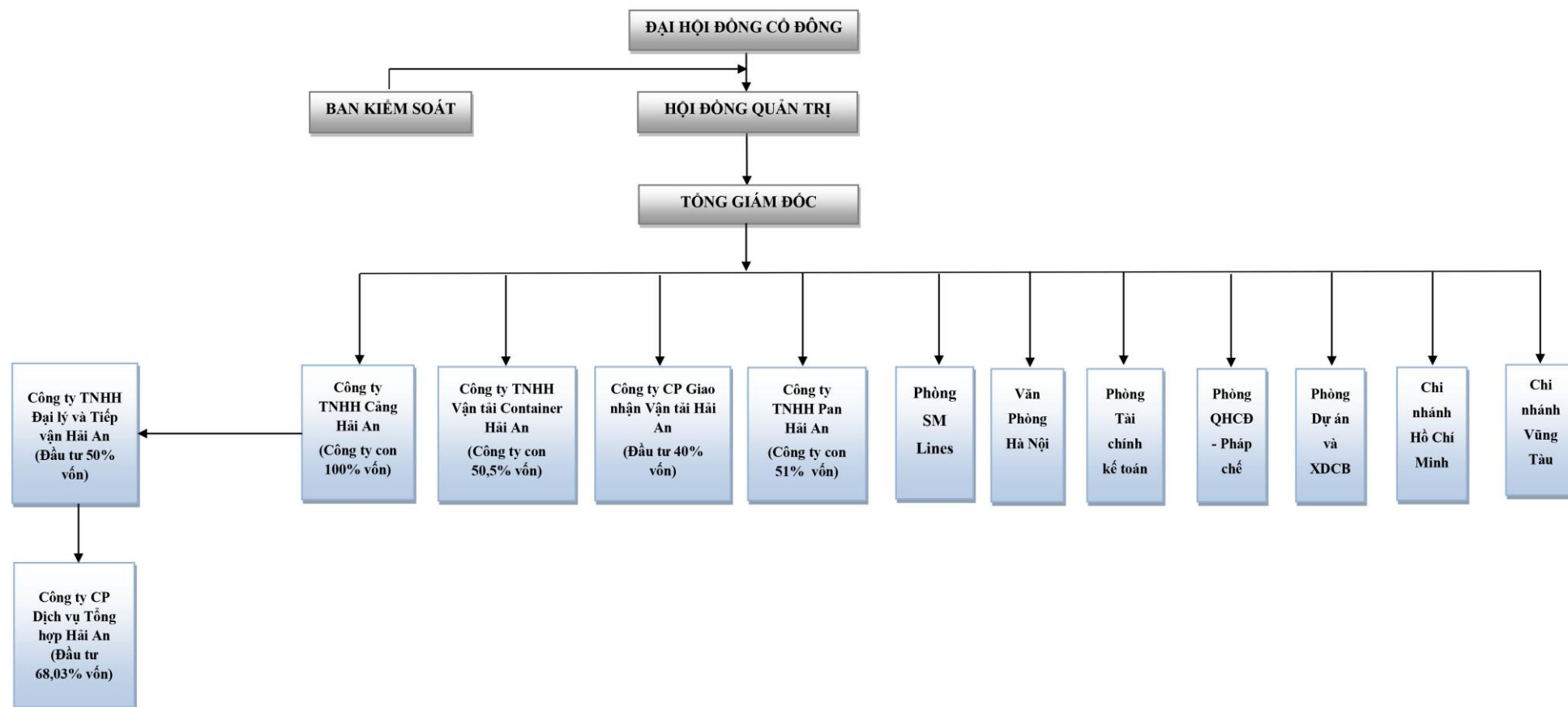
- **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

| | |
|------------------------|---|
| Ông Vũ Thanh Hải | Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Thị Hồng Nhung | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng (từ nhiệm ngày 27/5/2019) |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Thị Thanh Hào | Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 05/6/2019) |

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết:

| TT | Công ty | Quan hệ | Vốn điều lệ | Ngành nghề kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2019 | Trụ sở |
|----|--|----------------------------------|----------------------|--|-----------------------------|---|
| 1 | Công ty TNHH Cảng Hải An | Công ty con | 30.000.000.000 đồng | Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ... | 100% | Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam |
| 2 | Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Công ty liên kết của công ty con | 25.000.000.000 đồng | - Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.... | 50% | Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam |
| 3 | Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) | Công ty con của công ty liên kết | 10.000.000.000 đồng | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... | 68,03% | Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam |
| 4 | Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Công ty con | 200.000.000.000 đồng | - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa... | 50,5% | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam |

| TT | Công ty | Quan hệ | Vốn điều lệ | Ngành nghề kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2019 | Trụ sở |
|----|--|------------------|----------------------|---|-----------------------------|---|
| 5 | Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Công ty liên kết | 4.050.000.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (bao gồm cho thuê tàu khai thác và thuyền viên) - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 40% | Tầng 14 tòa nhà Việt, số 1 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 6 | Công ty TNHH Pan Hải An | Công ty con | 273.770.000.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, bãi container và lưu giữ hàng hóa - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa và công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa | 51% | Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam |

5. Định hướng phát triển

- Về khai thác cảng: Cảng Lạch Huyện đã lắp đặt xong 6 cần cầu để đưa cả hai bên vào hoạt động (năm 2018 chỉ khai thác một bên), các cảng đang được đầu tư như Mipec (380m cầu), Vinalines (600m cầu) cũng dự kiến sẽ được đưa vào khai thác trong quý IV hàng đầu năm 2020. Như vậy tổng công suất thiết kế của các cảng container ở khu vực Hải Phòng sẽ lên tới 8,5 triệu Teu/năm, trong khi dự kiến lượng hàng chỉ đạt tối đa là 5,5 triệu Teus, thừa công suất tới gần 40%. Do vậy tình trạng cạnh tranh để có việc làm sẽ ngày càng gay gắt, quyết liệt.
- Về vận tải: Qui định của IMO bắt buộc tàu biển phải sử dụng dầu nhiên liệu có hàm lượng Lưu huỳnh dưới 0,5% (LSFO) sẽ có hiệu lực từ 01/01/2020 (Trung Quốc đã áp dụng cho vùng biển của họ từ 01/01/2019). Các chủ tàu container cỡ nhỏ đang phải đứng trước ba lựa chọn: (i) Lắp đặt bộ lọc khí thải với giá dao động từ 2,5 đến 4 triệu USD cho một tàu (trong khi rất nhiều tàu trên 12 tuổi có trọng tải dưới 30.000 tấn tương đương 2500 Teu có giá trị còn lại thấp hơn giá trị của bộ lọc này); (ii) hoặc sử dụng dầu với hàm lượng lưu huỳnh thấp với giá dự kiến cao hơn giá dầu hiện nay khoảng 250 đến 300 USD/Tấn; (iii) hoặc là phải bán sắt vụn các tàu cũ hiện có và chờ diễn biến của thị trường để quyết định có tiếp tục kinh doanh vận tải container hay không. Cho đến nay mới chỉ có khoảng 12% đội tàu container thế giới đã xác nhận hoặc ký hợp đồng lắp bộ lọc khí thải nhưng chỉ áp dụng cho các loại tàu có trọng tải lớn (từ 5.000 Teus trở lên) và tàu đóng mới. Vì thế Công ty cũng đang phải chờ để xác lập kế hoạch dài hạn cho đội tàu.

Xuất phát từ bối cảnh nêu trên, Công ty đã xác định kế hoạch cho năm 2020 như sau: “Cố gắng duy trì hoạt động của cảng và đội tàu như năm 2019, tập trung đầu tư, phát triển các dịch vụ Logistics để duy trì và tạo thêm việc làm cho doanh nghiệp”.

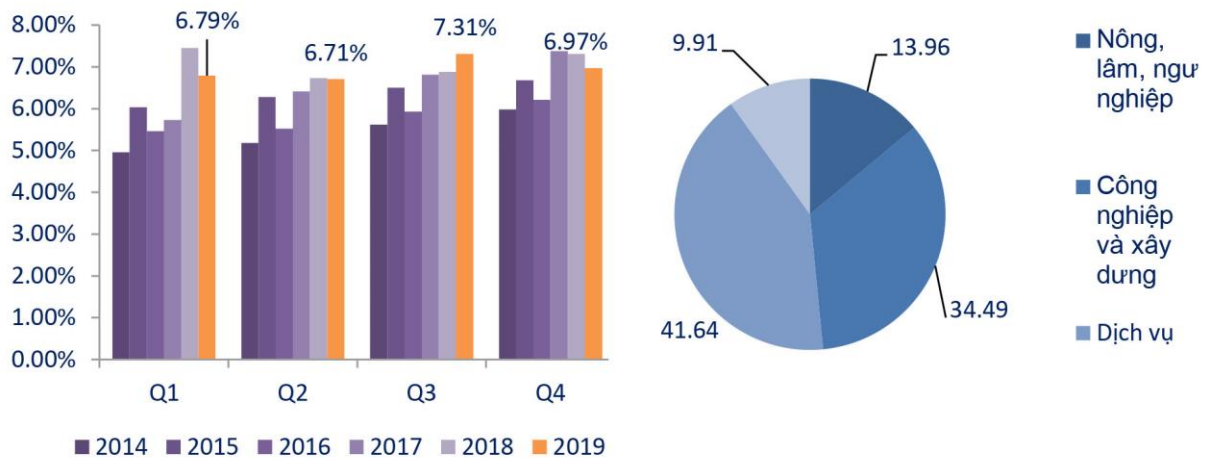
Trên cơ sở những phân tích và nhận định trên đây, định hướng và chiến lược kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển chung của ngành cảng biển - vận tải - logistics, với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của ngành cảng biển - vận tải - logistic trên thế giới.

6. Các nhân tố rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải và khai thác cảng.

a) Tăng trưởng kinh tế

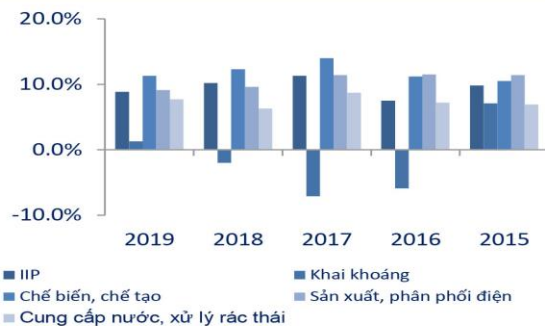


GDP qua các năm (2014-2019) và Cơ cấu tổng sản phẩm 2019 (%)

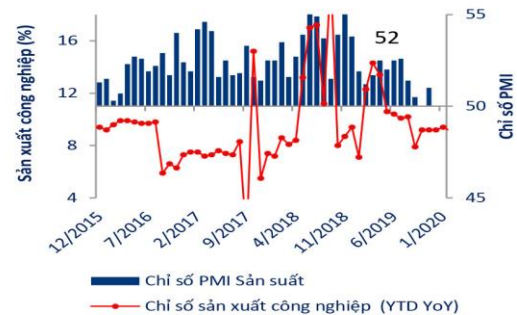
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7.02% YoY (Quý I tăng 6.82%, quý II tăng 6.73%; quý III tăng 7.48%; quý IV tăng 6.97%).

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2019 ước tính tăng 8.86% so với năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng của toàn ngành với mức tăng 11.29%, đóng góp 2.33 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9.14%, đóng góp 0.44 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7.72%, đóng góp 0.05 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 1.29% sau 3 năm giảm liên tục do khai thác dầu thô có mức giảm 7.7% so với năm trước và khai thác than, quặng kim loại đều tăng cao, đóng góp 0.09 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 tăng 1.1% MoM và tăng 10.4% YoY. Tính chung cả năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7.5% so với năm trước (năm 2018 tăng 12.4%) trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất kim loại tăng 22.9%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 18.4%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 15.9%.



Nguồn: GSO, BSC Research



Nguồn: GSO, BSC Research

Tăng trưởng ngành công nghiệp các năm và Chỉ số sản xuất công nghiệp và PMI

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/12/2019 tăng 13.6% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2018 tăng 14,1%), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 52.5%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 24.6%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 19.3%.

Chỉ số PMI tháng 11 tăng trở về mức 51 sau khi giảm từ mức 50.5 của tháng 10, và thấp hơn mức trung bình của năm là 51.6 điểm (mức TB năm 2018 là 53.7 điểm). Sản lượng hàng hóa tăng trở lại lần đầu tiên sau 3 tháng 8, 9, 10 của năm 2019. Số lượng đơn đặt hàng mới cũng tăng nhanh hơn. Việc làm cũng tăng trở lại khi bước vào giữa quý cuối của năm. Trong khi đó, tốc độ tăng chi phí đã giảm bớt thành mức thấp của 11 tháng, với giá cả đầu ra giảm tương ứng. Điều này cho báo trước xu hướng tăng sản lượng và việc làm trong những tháng tới khi các công ty tiếp tục nỗ lực đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng.

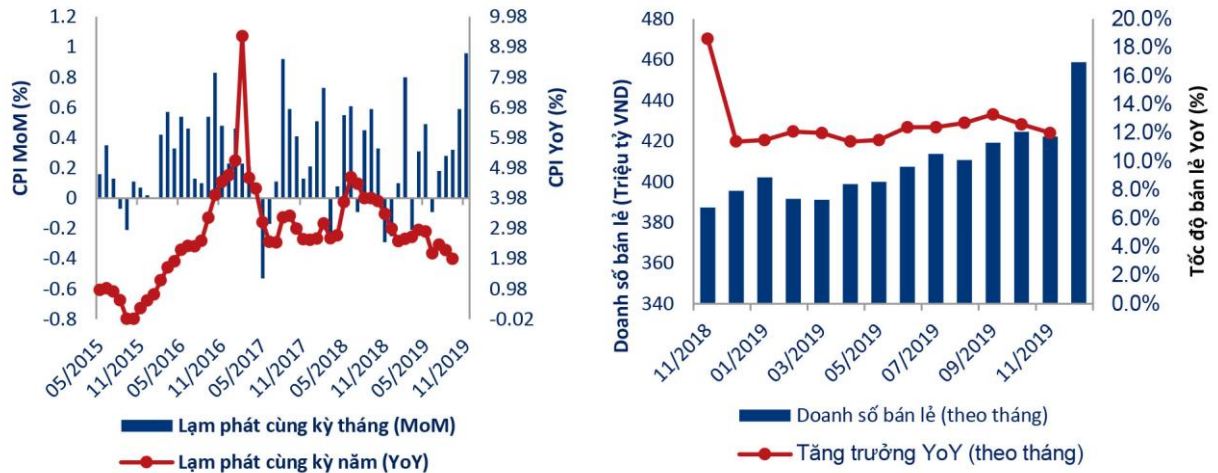
Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển và vận tải hàng hóa, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Lạm phát

CPI bình quân năm 2019 tăng 2.79% do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá điện sinh hoạt điều chỉnh tăng theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công Thương, cùng với nhu cầu tiêu dùng điện tăng vào dịp Tết và thời tiết nắng nóng trong quý II/2019 và quý III/2019 làm cho giá điện sinh hoạt tăng 8.38%.
- Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT và Thông tư số 14/2019/TT-BYT làm giá dịch vụ y tế tăng 4.65% (tác động làm CPI chung tăng 0.18%).
- Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2019 tăng 6,11% so với năm 2018 (tác động làm CPI tăng 0.32%);
- Việc tăng giá sách giáo khoa năm học 2019-2020 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam làm chỉ số giá nhóm văn phòng phẩm tăng 3.32% so với cùng kỳ năm trước.
- Ngoài ra còn một số yếu tố về thị trường, như giá nhóm hàng thực phẩm tăng 5.08% (giá thị trường bình quân năm 2019 tăng 11.79%).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 ước đạt 433.2 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý IV/2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1,287.5 nghìn tỷ đồng, tăng 2.8% QoQ và tăng 12.5% YoY.



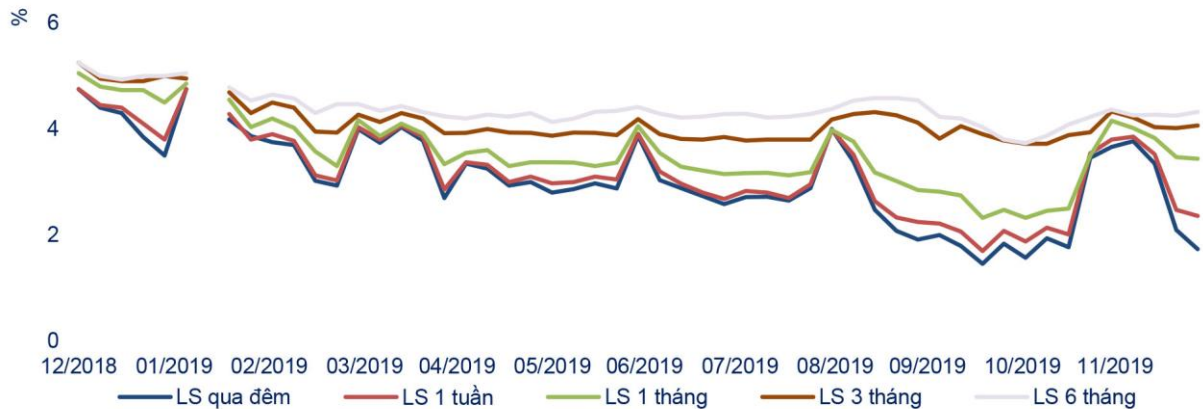
Diễn biến CPI qua các năm và Doanh số bán lẻ

Năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4,940.4 nghìn tỷ đồng, tăng 11.8% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9.2% (năm 2018 tăng 8.4%).

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải như Hải An, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

c) Ngân hàng - Lãi suất

Tăng trưởng tín dụng thấp hơn mức mục tiêu 14% của NHNN phản ánh việc các ngân hàng duy trì hoạt động điều tiết tín dụng tới các khu vực tiềm ẩn rủi ro cao như cho vay tiêu dùng hay bất động sản. Huy động vốn cao hơn năm 2017 phản ánh việc các ngân hàng cải thiện chất lượng tài sản, nhằm hoàn thành tiêu chuẩn Basel II vào năm 2020. Áp lực lãi suất lên hệ thống ngân hàng năm 2019 giảm bớt do thông tin FED hạ lãi suất và tình trạng căng thẳng chiến tranh thương mại tiến triển theo hướng tích cực giai đoạn cuối năm. Thanh khoản ngân hàng dồi dào hơn và chịu ít áp lực từ việc tăng tỷ giá USD/VND so với 2018. Tính đến 27/12, lãi suất liên ngân hàng đã tăng trở lại sau khi giảm mạnh trong giai đoạn từ tháng 9 tới tháng 11. Lãi suất tại các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt đạt 1.74%, 2.36%, 3.44%, 4.06%, và 4.33%.



Lãi suất liên ngân hàng

Lãi suất huy động ngắn hạn bắt đầu giảm vào tháng 11 sau khi NHNN giảm lãi suất huy động tối đa đối với các kỳ ngắn hạn (từ 1% còn 0.8% cho tiền gửi dưới 1 tháng, và từ 5.5% còn 5% cho tiền gửi từ 1 đến 6 tháng). Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường tăng nhẹ so với 2018, phản ánh việc các ngân hàng giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung-dài hạn theo lộ trình của NHNN. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 4.5%-5.5%/năm đối với ngắn hạn; 5.2-7.7% đối với lãi suất trung hạn và 6.0%-8.6%/năm đối với lãi suất dài hạn. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn, 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn, tương đương năm 2018, khi NHNN chỉ giảm lãi suất cho vay tại khu vực này từ 6.5% về 6%.

d) Tỷ giá hối đoái



Diễn biến tỷ giá USD/VND

Tỷ giá USD/VND duy trì xu hướng đi ngang trong năm 2019 do ảnh hưởng của diễn biến chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và chính sách tài chính nới lỏng của FED. Tính đến ngày 31/12, đối với USD/VND, tỷ giá liên ngân hàng giảm nhẹ -0.98% YTD, trong khi tỷ giá tự do cũng giảm nhẹ -0.39% YTD. Đà giảm của tỷ giá USD/VND tăng sau khi FED phát tín hiệu giảm lãi suất, tạo áp lực tăng lên VND. Ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ tạo áp lực giảm chung

lên giá trị đồng tiền các nước. Từ đầu năm đến ngày 31/12/2019, chỉ số Dollar Index (DXY) tăng 0.54% và đồng USD đều tăng giá so với nhiều đồng tiền khác như CNY (-1.79%); EUR (-2.32%), CHF (1.46%), INR (-1.14%), và BRL (-3.09%).

Tuy nhiên do đặc thù của công ty, nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước mà không phải nhập khẩu nên tác động của biến động tỷ giá lên nguồn nguyên liệu đầu vào là không có. Mặc dù vậy, Công ty hiện đang vay ngoại tệ để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

6.2 Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro ngành

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ... Số liệu thống kê của Tổng cục thống kê cho thấy năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt hơn 517,26 tỷ USD, tương ứng tăng hơn 35,06 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của chính sách biên mậu với Trung Quốc, là thị trường xuất nhập khẩu chủ chốt của Việt Nam. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ Trung Quốc trong mỗi giai đoạn ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh

Ngày 14/04/2013, dự án xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện chính thức được khởi công xây dựng. Đây là dự án nằm trong danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu giai đoạn đến năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007. Với mục tiêu phát triển cảng Hải Phòng tại khu bến Lạch Huyện để có thể tiếp nhận cỡ tàu tới 100.000 DWT (tàu container 8.000 TEU), dự án dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 05 năm 2018. Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Hải An nói riêng.

Ngoài ra Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm 20% giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng.

Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Hải An trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động chuẩn bị kế hoạch đầu tư tàu container và tổ chức tuyến vận tải container nội địa từ cuối năm 2013 nhằm đảm bảo công việc cho cảng Hải An. Với việc phát triển tuyến vận chuyển container nội địa và hợp tác với các hãng vận tải container nước ngoài duy trì các tuyến vận chuyển container ngắn (Feeder) nhằm đảm bảo “đầu vào” cho cảng, chắc chắn hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ được đảm bảo. Bên cạnh việc duy trì và phát triển dịch vụ vận tải container Công ty đã thành lập liên doanh với đối tác Hàn Quốc để đầu tư xây dựng và kinh doanh một Depot tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ nhằm cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu kho hàng hóa, thu gom và phân phối hàng lẻ, bảo dưỡng sửa chữa container... nhằm khép kín qui trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh. Trong năm 2018 và các năm sau Công ty sẽ tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi tại Vũng Tàu, nhờ vậy kể từ năm 2019-2020, Công ty có thể hoàn chỉnh chuỗi Logistics của mình bao gồm Vận tải container, Khai thác cảng container và Cung cấp dịch vụ thu gom (Consolidation), phân phối (Distribution) và thông quan (Custom Clearance) cho hàng hóa vận chuyển bằng container tại hai khu vực chính của đất nước là Hải Phòng - Hà Nội và Vũng Tàu - Hồ Chí Minh.

II. Tình hình hoạt động trong năm**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****1.1. Về hoạt động cảng biển**

Đơn vị: TEU

| | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ |
|--------------------------------------|--------------------------|---------------------------|----------------|
| Tổng sản lượng khai thác cảng | 307.200 | 312.152 | 101,61% |
| - Bốc xếp hàng xuất nhập khẩu | 91.000 | 81.982 | 90,09% |
| - Bốc xếp hàng nội địa | 216.200 | 230.170 | 106,46% |

1.2. Về hoạt động vận tải

| | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------|----------------|
| Tổng sản lượng khai thác tàu | 218.000 | 267.761 | 122,83% |

1.3. Các dịch vụ khác

- HAAL tiếp tục thực hiện công việc đại lý cho Pendulum Express đối với tuyến feeder China / India (FIVE) từ tháng 6/2018 tại cảng Lạch Huyện. Đối với dịch vụ khai thác kho CFS, sản lượng thông qua kho CFS chỉ đạt khoảng 60% công suất thiết kế của kho CFS.
- Hoạt động của HAGS năm 2019 đã có nhiều tiến triển sau khi đầu tư thêm xe đầu kéo và cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự.
- HAFC với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác hàng door / door trên tuyến nội địa và thực hiện công việc đại lý cho HACT tại khu vực Đà Nẵng. Năm 2019, HAFC đã đạt được những kết quả rất khả quan về doanh thu và lợi nhuận và có đóng góp rất khá lớn cho sản lượng vận chuyển của đội tàu trên tuyến nội địa.
- Đối với hoạt động khai thác Depot, theo thống kê, ở khu vực Hải Phòng có gần 20 đơn vị kinh doanh dịch vụ Depot, do dư thừa nguồn cung nên thị trường kinh doanh depot cạnh tranh rất gay gắt. Ngoài ra, một số hãng tàu đã thành lập liên doanh riêng như Wanhai, MSC, Sinokor, Heu - A, SITC, HMM, vì vậy các hãng tàu đều không muốn thay đổi việc sử dụng depot ở Hải Phòng. Với các nguyên nhân nêu trên, PANHAIAN (liên doanh giữa HATS và đối tác Pantos Holding của Hàn Quốc) trong năm 2019 đã gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Sản lượng Depot ước đạt 70.000 TEU tương đương 58,33% kế hoạch.

2. Tổ chức nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ tên | Chức vụ | Ghi chú |
|------------|---------------|----------------|----------------|
| 1 | Vũ Thanh Hải | Tổng Giám đốc | |

| STT | Họ tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------|---------|
| 2 | Nguyễn Ngọc Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | |
| 3 | Trần Thị Thanh Hào | Phụ trách kế toán | |

2.2 Sơ yếu lí lịch Ban Điều hành

- Ông Vũ Thanh Hải

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973
 Nơi sinh: Thái Bình
 CMND: 024100797, nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 68 Bis Huỳnh Mẫn Đạt, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Số điện thoại công ty: 024 39876556
 Số điện thoại di động: 0913239196
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1995 - 2001: Cán bộ thị trường, Đại diện trường Chi nhánh Singapore Công ty LD Gemartrans
- 3/2001 - 4/2002: Phó phòng Khai thác – Ban Quản lý tàu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
- 5/2002 - 2009: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức
- 2009 - 09/2014: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐTV kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd.
- 10/2014 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức ; Ủy viên HĐTV kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd;
- Tháng 11/2013 - nay: ủy viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Ngày 16/10/2014 - nay: được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Ngày 13/11/2015 - 5/10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An, thành viên HĐTV Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Ngày 5/10/2017 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Tháng 10/2017 - nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Pan Hải An

- Tháng 10/2017 - 7/2018: Tổng giám đốc Công ty TNHH Pan Hải An
 - Tháng 8/2018 - nay: Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Cá nhân sở hữu: 2.250 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

- **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn**

| | |
|------------------------|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 14/11/1974 |
| Nơi sinh: | Hà Nam |
| CMND | 031782761 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 6 năm 2009 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | Số 153C Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng |
| Số điện thoại công ty: | 024.39876556 |
| Số điện thoại di động | 0912569414 |
| Địa chỉ email: | Tuan.nn@haiants.vn |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư điều khiển tàu biển Cử nhân kinh tế đối ngoại |

Quá trình công tác:

- Từ đầu năm 1999 đến năm 2004: thuyền viên thuộc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế.
- Từ năm 2004 đến năm 2008: Trưởng phòng Khai thác thuộc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty CP Hàng Hải Hà Nội
- Từ năm 2009 đến hết năm 2010: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2013: Giám đốc CTCP dịch vụ hàng hải Hải Âu
- Từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 02/2015 đến tháng 10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Từ 10/1/2017 đến nay: thành viên HĐQT CTCP dịch vụ tổng hợp Hải An
- Từ tháng 10/2017 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Từ tháng 10/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Từ tháng 4/2019 đến nay: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu 11.125 cổ phần chiếm 0,023% vốn điều lệ

Bà Trần Thị Thanh Hảo

| | |
|------------------------|--|
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh: | 07/02/1988 |
| Nơi sinh: | Hải Phòng |
| CMND | 031188001939 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/5/2016 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | 8/96 Hợp Hòa, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng |
| Số điện thoại công ty: | 024.39876556 |
| Số điện thoại di động | 0936995184 |
| Địa chỉ email: | hao.tt@haiants.vn |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân quản trị tài chính kế toán |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010: Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An tại TP. Hải Phòng - Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2015: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 02/2015 đến tháng 9/2017: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An - Từ tháng 6/2019 đến nay: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An |

2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động
Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)

| Chỉ tiêu | Số lượng lao động |
|------------------------------------|-------------------|
| Tổng số lao động | 408 |
| Phân theo giới tính | |
| - Nam | 302 |
| - Nữ | 106 |
| Phân theo trình độ học vấn | |
| - Trình độ đại học trở lên | 225 |
| - Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp | 39 |
| - Trình độ trung cấp chuyên nghiệp | 114 |

| Chỉ tiêu | Số lượng lao động |
|--|--------------------------|
| - Lao động phổ thông | 30 |
| Phân theo phân công lao động | |
| - Viên chức quản lý chuyên trách | 58 |
| - Viên chức quản lý không chuyên trách | 5 |
| - Lao động trực tiếp | 345 |

- **Chính sách đối với người lao động**

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- Hoàn thiện việc sửa chữa và căn chỉnh ray cầu để, tổ chức nạo vét vùng nước trước bến, vũng quay và ra thông báo hàng hải đúng thời gian quy định. Tiếp tục duy trì việc vá ổ gà trên bãi container đảm bảo an toàn cho phương tiện thiết bị trong quá trình khai thác.
- Tháng 5/2019, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN MIND, đóng năm 2012 tại Hạ Long, Quảng Ninh, sức chở 1.794 TEU, trọng tải 25.793,2 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được đưa vào tuyến nội địa để khai thác.
- Ngày 17/10/2019, đã tiến hành đầu tư và thi công xây dựng nhà kho CFS, văn phòng kho và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phụ trợ thuộc giai đoạn 2 - dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với tổng mức đầu tư hơn 143 tỷ đồng, dự kiến tháng 4/2020 sẽ đưa 02 kho CFS vào hoạt động chính thức

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)**

Công ty TNHH Cảng Hải An là công ty có 100% vốn của Công ty Mẹ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ liên quan đến cảng biển bao gồm: xếp dỡ hàng hóa và container, dịch vụ kho CFS và kho ngoại quan, dịch vụ Depot, dịch vụ lưu container lạnh, vận chuyển hàng hóa thủy nội địa, dịch vụ Logistics...

Năm 2019, Cảng khai thác được 256 chuyến tàu với tổng sản lượng đạt khoảng 312.152 teus (hoàn thành 101,61% kế hoạch). Tổng doanh thu hoạt động khai thác cảng ước tính đạt 242,1 tỷ (hoàn thành 91,4% kế hoạch) và lợi nhuận sau thuế cho hoạt động khai thác Cảng đạt 48,7 tỷ (hoàn thành 100% kế hoạch).

- **Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL)**

Công ty đồng thời vừa làm đại lý cho hãng tàu Penexline (Singapore), vừa phát triển kinh doanh vận tải biển nội địa, dịch vụ logistic và khai thác kho CFS, đã từng bước nâng cấp và hoàn chỉnh bộ máy tổ chức, khẳng định chất lượng dịch vụ trên thị trường vận tải, tạo uy tín và được khách hàng đánh giá cao.

Tổng doanh thu đạt 47,7 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2,687 tỷ đồng.

- **Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)**

Công ty từng bước khẳng định mục tiêu hoạt động, ngoài cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vệ sinh sửa chữa container và vận tải cho Cảng, Công ty còn tham gia cung cấp dịch vụ vận tải cho các công ty liên kết, tăng thêm việc làm cho người lao động.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

- + Doanh thu: 22.208 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế: 218 triệu đồng.

- **Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)**

Thành lập từ tháng 11/2015, hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển, Công ty dần dần hoàn thiện, kiện toàn bộ máy quản lý, khai thác đội tàu và quản lý kỹ thuật đội tàu, duy trì và tăng cường công tác quản lý kỹ thuật thường xuyên đảm bảo tình trạng tàu hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu khai thác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

- + Doanh thu: 987,4 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế: 63,6 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài chính
Đơn vị: 1.000.000 VND

| TT | Chỉ tiêu <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i> | BCTC Công ty mẹ | | | BCTC Hợp nhất | | |
|----|--|-----------------|-----------|-------------|---------------|-----------|-------------|
| | | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.108.058 | 1.235.104 | +11,47 | 1.655.980 | 1.827.544 | +10,36 |
| 2 | Doanh thu thuần | 479.693 | 547.797 | +11,20 | 1.054.283 | 1.108.933 | +5,18 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 100.389 | 128.338 | +27,84 | 164.439 | 153.226 | -6,81 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 17.102 | 2.357 | -86,22 | 23.396 | 2.877 | -87,70 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 117.491 | 130.695 | +11,24 | 187.835 | 156.103 | -16,89 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 103.729 | 116.918 | +12,71 | 158.895 | 132.738 | -16,46 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 15% | - | - | 15% | - | - |

- Các chỉ tiêu khác: Không có

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| TT | Các chỉ tiêu | BCTC Công ty Mẹ | | BCTC Hợp nhất | | Ghi chú |
|----|---|-------------------------------|----------|---------------|----------|---------|
| | | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 | Năm 2019 | |
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | | |
| | + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 3,33 | 2,83 | 2,37 | 2,33 | |
| 1 | + Hệ số thanh toán nhanh (lần) <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 3,14 | 2,72 | 2,23 | 2,14 | |
| | 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| 2 | + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%) | 0,18 | 0,24 | 0,26 | 0,31 | |
| | + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%) | 0,22 | 0,31 | 0,36 | 0,46 | |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | | |
| | + Vòng quay hàng tồn kho (lần) <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân | 32 | 22 | 23 | 20 | |
| 3 | + Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần) | 0,51 | 0,47 | 0,71 | 0,64 | |

| TT | Các chỉ tiêu | BCTC Công ty Mẹ | | BCTC Hợp nhất | | Ghi chú |
|----------|---|-----------------|----------|---------------|----------|---------|
| | | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2018 | Năm 2019 | |
| 4 | <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | | | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 21,62 | 21,34 | 15,07 | 11,97 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 13,39 | 12,68 | 15,47 | 10,73 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 10,92 | 9,98 | 10,72 | 7,62 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%) | 20,93 | 23,43 | 15,60 | 13,82 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2019)
5.1 Cổ phần

Số lượng cổ phiếu của Công ty không thay đổi và là 48.782.751 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (48.782.751 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 48.209.698 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 573.053 cổ phiếu.

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 11/3/2019)

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) | Số lượng cổ đông |
|---------------------------|---------------------|-------------------|--------------|------------------|
| Cổ đông trong nước | | | | |
| 1 | Tổ chức | 20.151.084 | 41,31% | 29 |
| 2 | Cá nhân | 18.217.997 | 37,35% | 1.306 |
| Cổ đông nước ngoài | | | | |
| 3 | Tổ chức | 9.116.782 | 18,69% | 21 |
| 4 | Cá nhân | 723.835 | 1,48% | 37 |
| | Cổ phiếu quỹ | 573.053 | 1,17% | - |
| | Tổng cộng | 48.782.751 | 100% | 1.393 |

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| Thời điểm tăng vốn | Vốn đăng ký và thực góp (VND) | Giá trị tăng vốn thực góp (VND) | Hình thức tăng vốn | Căn cứ pháp lý |
|--------------------|-------------------------------|---------------------------------|--|---|
| 02/8/2018 | 487.827.510.000 | 142.749.330.000 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 25/GCN-UBCK của Chủ tịch UBCKNN ngày 13/4/2018. - Công văn số 4254/UBCK-QLCB ngày 10/7/2018 về kết quả chào bán cổ phiếu HAH ra công chúng. - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 87/2014/GCNCP-VSD-2 ngày 27/7/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | Việt Nam. - Quyết định số 292/QĐ-SGDHCM v/v thay đổi niêm yết ngày 31/7/2018 của TGD SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. |
|--|--|--|--|--|

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc

1. Kinh doanh

1.1 Về hoạt động cảng biển

- Kinh tế năm 2019 đã khởi sắc, nhiều hãng tàu đã có lợi nhuận, ngành cảng biển đang được hưởng nhiều lợi thế chính sách như: áp dụng khung giá dịch vụ cảng biển mới, Chính phủ phê duyệt đề án xây dựng thị trường vận tải cạnh tranh, được hưởng lợi từ các FTA và phần nào đó từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Tuy nhiên, thị trường khai thác cảng khu vực Hải Phòng vẫn diễn ra trong bối cảnh vô cùng khó khăn và ngày càng cạnh tranh gay gắt. Sau khi 2 bến cảng container mới là Nam Đình Vũ và HICT (Lạch Huyện) đưa vào khai thác từ giữa năm 2018 và hoạt động ổn định trong năm 2019 đã dẫn tới nguồn cung cảng biển tăng khoảng 30%. Dự kiến nguồn cung cảng biển tiếp tục tăng khi cảng MIPEC được đưa vào khai thác trong quý I năm 2020.
- Năm 2019, Cảng Hải An đã khai thác được 256 chuyến tàu với tổng sản lượng thông qua đạt 312.152 TEU (đạt 126,79% kế hoạch).

1.2 Về hoạt động vận tải:

- Năm 2019 ngành vận tải container trên thế giới gặp nhiều khó khăn, biến động do ảnh hưởng xấu của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cùng với các chi phí phát sinh cho công tác chuẩn bị áp dụng Công ước mới của IMO về kiểm soát khí phát thải từ các tàu biển vào năm 2020 vì vậy giá thuê tàu liên tục giảm đối với các tàu cỡ dưới 2.000 TEU.
- Do Trung Quốc hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng nông sản của Việt Nam nhập khẩu tiểu ngạch qua biên giới VN - TQ nên sản lượng hàng vận chuyển chiều từ HCM ra HP giảm sút, cùng với việc các hãng tàu nội địa đưa thêm tàu tham gia tuyến nội địa đã dẫn tới cạnh tranh rất gay gắt, cước biển chiều HCM đi HP giảm tới mức thấp nhất từ trước tới nay. Lượng hàng lạnh từ HK về HP chuyển tải đi TQ giảm mạnh do chính sách của TQ đối với mặt hàng này thay đổi.
- Sản lượng vận tải năm 2019 ước đạt 270.975 TEU, trong đó vận tải nội địa đạt: 245.554 TEU, vận tải quốc tế đạt: 25.421 TEU.
- Bố trí lên đà kỳ trung gian cho tàu Hai-an Time tại Quảng Châu, TQ vào tháng 2/2019 và tàu Hai-an Song tại TP. Hồ Chí Minh vào tháng 10/2019

- Tổ chức nhận Hai-an Mind an toàn tại Hạ Long, QN vào ngày 9/5 sau đó tổ chức sửa chữa phục vụ đưa vào khai thác từ ngày 09/6/2019.
- Đã thực hiện đầu tư thêm 300 container 40' mới bằng hình thức thuê mua, hiện đã nhận và đưa vào sử dụng 150 container.

1.3 Các dịch vụ khác:

- HAAL tiếp tục thực hiện công việc đại lý cho Pendulum Express đối với tuyến feeder China / India (FIVE) từ tháng 6/2018 tại cảng Lạch Huyện. Đối với dịch vụ khai thác kho CFS, sản lượng thông qua kho CFS chỉ đạt khoảng 60% công suất thiết kế của kho CFS.
- Hoạt động của HAGS năm 2019 đã có nhiều tiến triển sau khi đầu tư thêm xe đầu kéo và cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự.
- HAFC với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác hàng door / door trên tuyến nội địa và thực hiện công việc đại lý cho HACT tại khu vực Đà Nẵng. Năm 2019, HAFC đã đạt được những kết quả rất khả quan về doanh thu và lợi nhuận và có đóng góp rất khá lớn cho sản lượng vận chuyển của đội tàu trên tuyến nội địa.
- Đối với hoạt động khai thác Depot, theo thống kê, ở khu vực Hải Phòng có gần 20 đơn vị kinh doanh dịch vụ Depot, do dư thừa nguồn cung nên thị trường kinh doanh depot cạnh tranh rất gay gắt. Ngoài ra, một số hãng tàu đã thành lập liên doanh riêng như Wanhai, MSC, Sinokor, Heu - A, SITC, HMM, vì vậy các hãng tàu đều không muốn thay đổi việc sử dụng depot ở Hải Phòng. Với các nguyên nhân nêu trên, PANHAIAN (liên doanh giữa HATS và đối tác Pantos Holding của Hàn Quốc) trong năm 2019 đã gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Sản lượng Depot ước đạt 70.000 TEU tương đương 58,33% kế hoạch.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau.

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị | Kế hoạch 2019 | Thực hiện 2019 | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------------|------------------|------------------|------------------|--------------|
| 1 | Tổng sản lượng | TEU | 645.200 | 653.579 | 101,3 |
| | - Khai thác cảng | TEU | 307.200 | 312.152 | 101,61 |
| | - Khai thác tàu | TEU | 218.000 | 267.761 | 122,83 |
| | - Sản lượng Depot | TEU | 120.000 | 73.666 | 61,39 |
| 2 | Tổng Doanh thu | Triệu VNĐ | 1.224.660 | 1.127.982 | 92,11 |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | Triệu VNĐ | 124.620 | 121.378 | 97,40 |

2. Xây dựng cơ bản và đầu tư

- Hoàn thiện việc sửa chữa và căn chỉnh ray cầu để, tổ chức nạo vét vùng nước trước bến, vũng quay và ra thông báo hàng hải đúng thời gian quy định. Tiếp tục duy trì việc vá ổ gà trên bãi container đảm bảo an toàn cho phương tiện thiết bị trong quá trình khai thác.
- Tháng 5/2019, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN MIND, đóng năm 2012 tại Hạ Long, Quảng Ninh, sức chở 1.794 TEU, trọng tải 25.793,2 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được đưa vào tuyến nội địa để khai thác.

- Ngày 17/10/2019, đã tiến hành đầu tư và thi công xây dựng nhà kho CFS, văn phòng kho và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phụ trợ thuộc giai đoạn 2 - dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với tổng mức đầu tư hơn 143 tỷ đồng, dự kiến tháng 4/2020 sẽ đưa 02 kho CFS vào hoạt động chính thức.

3. Công tác quản lý

- Vào ngày 11/4/2019, công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, trong đó đã thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT, góp phần kiện toàn bộ máy quản trị cấp cao.
- Tổ chức thành công lễ kỷ niệm 10 năm thành lập công ty.
- Tổ chức đón tiếp và làm việc với đoàn cán bộ của Ủy ban chứng khoán nhà nước khi đoàn về kiểm tra các công tác quản trị công ty, công bố thông tin ...
- Thực hiện chỉ đạo, tổ chức triển khai đào tạo và xây dựng hệ thống đánh giá KPI và Benchmarking để dự kiến sang năm 2020 sẽ áp dụng thực hiện trên toàn Group.

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài sản

| | Chỉ tiêu | BCTC Công ty Mẹ | | BCTC Hợp nhất | |
|-----------|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
| I | Tài sản ngắn hạn | 353.263.018.581 | 412.931.797.328 | 587.779.335.179 | 664.754.010.138 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 184.928.446.586 | 180.212.617.667 | 272.125.233.675 | 243.326.890.100 |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 13.500.000.000 | 13.500.000.000 | 13.500.000.000 | 51.981.363.014 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 113.538.431.908 | 187.881.915.147 | 217.513.466.269 | 267.343.034.818 |
| 4 | Hàng tồn kho | 20.208.196.789 | 16.595.123.515 | 34.979.953.834 | 53.198.489.706 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 21.087.943.298 | 14.742.140.999 | 49.660.681.401 | 48.904.232.500 |
| II | Tài sản dài hạn | 754.794.924.703 | 822.171.924.255 | 1.068.200.173.118 | 1.162.790.192.860 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 46.713.470.000 | 45.000.000.000 | 1.713.470.000 | 10.000.000 |
| 2 | Tài sản cố định | 440.706.178.144 | 503.557.362.186 | 812.401.135.234 | 854.670.089.064 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | - | - | - | - |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | - | 11.243.087.335 | 3.816.588.904 | 11.702.435.197 |
| 5 | Đầu tư tài chính dài hạn | 266.696.649.411 | 261.926.397.014 | 42.123.582.570 | 44.474.068.209 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 678.627.148 | 445.077.720 | 208.145.396.410 | 251.933.600.390 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 1.108.057.943.284 | 1.235.103.721.583 | 1.655.979.508.297 | 1.827.544.202.998 |

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 8-20 |
| Máy móc và thiết bị | 5-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5-8 |
| Tài sản cố định khác | 5 |

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.
- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.2 Tình hình nợ phải trả

| | Chỉ tiêu | BCTC Công ty Mẹ | | BCTC Hợp nhất | |
|----------|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
| I | Nợ ngắn hạn | 106.180.462.071 | 295.306.230.413 | 247.670.262.660 | 285.902.315.289 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 14.102.010.865 | 26.473.362.894 | 80.289.365.173 | 99.823.206.611 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | 1.820.000 | 223.930.590 | 638.338.680 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.212.019.256 | 7.053.292.233 | 12.727.404.059 | 12.145.971.653 |
| 4 | Phải trả người lao động | 7.669.002.603 | 5.384.825.584 | 19.584.718.240 | 17.203.459.004 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 848.054.540 | 1.324.700.399 | 3.108.733.891 | 5.859.543.849 |
| 6 | Phải trả nội bộ ngắn hạn | - | - | - | - |
| 7 | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - | - |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 676.878.538 | 1.956.766.916 | 1.051.989.538 | 1.956.766.916 |
| 9 | Phải trả ngắn hạn khác | 27.002.098.136 | 36.158.498.199 | 31.874.507.970 | 42.312.468.857 |
| 10 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 34.575.735.486 | 47.608.779.962 | 77.066.607.842 | 83.593.297.362 |
| 11 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | 2.648.342.710 | 2.648.342.710 |
| 12 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 19.094.662.647 | 19.720.919.647 | 19.094.662.647 | 19.720.919.647 |
| 13 | Quỹ bình ổn giá | - | - | - | - |

| | Chỉ tiêu | BCTC Công ty Mẹ | | BCTC Hợp nhất | |
|-----------|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
| 14 | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | - | - | - | - |
| II | Nợ dài hạn | 97.115.754.668 | 149.623.264.579 | 189.633.001.418 | 286.959.660.829 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | - | 35.000.000.000 | 25.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 97.115.754.668 | 114.623.264.579 | 164.633.001.418 | 236.959.660.829 |
| | NỢ PHẢI TRẢ | 203.296.216.739 | 295.306.230.413 | 437.303.264.078 | 572.861.976.118 |

Đối với các khoản nợ đến hạn, Công ty duy trì thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Sự nguy hiểm của chủng virus SARS-CoV-2 khiến thế giới lâm vào cảnh hỗn loạn, thị trường chứng khoán toàn cầu giảm mạnh. Với tình hình hiện nay, IMF dự đoán tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới năm 2020 sẽ sụt giảm 2.9% so với năm trước và một cuộc đại khủng hoảng kinh tế là viễn cảnh có thể tưởng tượng.

Việt Nam cũng khó có thể tránh khỏi sự tác động tiêu cực của dịch bệnh. Chỉ tính đến hết tháng 2/2020, dịch COVID-19 đã gây nên những hệ lụy to lớn lên nhiều mặt kinh tế - xã hội như đời sống người dân bị xáo trộn, doanh thu các ngành dịch vụ, bán lẻ giảm sút đáng kể; các ngành công nghiệp chủ đạo lao đao trong đó hàng không và du lịch chịu tổn thất lớn nhất; sản xuất, chế biến xuất khẩu bị đe dọa.

Tiến trình của dịch COVID-19 ngày càng phức tạp và khó lường diễn ra trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tuy Việt Nam đang được đánh giá là làm tốt trong công tác kiểm soát dịch, nền kinh tế Việt Nam chắc chắn vẫn sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hiệu ứng domino khi khủng hoảng kinh tế xảy ra. Tuy nhiên, đây cũng có thể là cơ hội để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế bằng các chính sách phát triển bền vững và lâu dài hơn, tránh phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc.

Ngoài ra tình hình thị trường vận tải biển và khai thác cảng tiếp tục gặp nhiều khó khăn:

- Về khai thác Cảng: vẫn là một năm khó khăn đối với thị trường cảng biển tại khu vực Hải Phòng do dư thừa nguồn cung cảng biển và xu hướng chuyển dịch sang phía hạ nguồn sông của các hãng tàu lớn.
- Về vận tải: sẽ rất khó khăn cho hoạt động kinh doanh vận tải do phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (dưới 0.5%) với đơn giá rất cao (dự kiến giá bình quân là 550 USD/tấn) tăng khoảng 30%. Ngoài ra chi phí ngày tàu cũng tăng do chi phí sửa chữa, vật tư, giá dầu nhớt loại phù hợp với LSFO cũng sẽ tăng. Nếu không tăng được doanh thu bằng cách tăng sản lượng, tăng cước vận tải thì kết quả kinh doanh vận tải sẽ lỗ rất lớn. Thị trường thuê tàu năm 2020 dự báo cũng rất khó khăn và không có khả năng tăng giá thuê tàu trong vòng 6 tháng đầu năm.

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị | Kế hoạch 2020 |
|-----|------------------------------------|------------------|------------------|
| 1 | Tổng sản lượng | TEU | 745.060 |
| | - Khai thác cảng | TEU | 315.060 |
| | - Khai thác tàu | TEU | 290.000 |
| | - Sản lượng Depot | TEU | 140.000 |
| 2 | Tổng Doanh thu | Triệu VNĐ | 1.219.123 |
| 3 | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | Triệu VNĐ | 85.092 |

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

5.1 Về kinh doanh:

- Tiếp tục tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu ngoại đang sử dụng Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến, đặc biệt là hãng tàu SM Line.
- Đẩy mạnh triển khai công tác thị trường (cho cả bốc xếp và vận tải) chủ yếu tập trung thị trường Trung Quốc và Hàn Quốc.
- Tập trung phát triển thị trường khu vực Cái Mép nhất là hàng chuyên tải của các hãng tàu có tàu mẹ cập cảng.

5.2 Về quản lý:

- Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong toàn hệ thống, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao, để có thể đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Tập trung rà soát và cắt giảm tất cả các chi phí, phấn đấu giảm từ 5-10%.
- Triển khai áp dụng hệ thống KPI trên toàn Group.

5.3 Về đầu tư :

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục cho khu đất của Dự án Depot tại khu vực Cái Mép.
- Đầu tư mua 01 tàu container.
- Chuẩn bị và bố trí kế hoạch cho tàu Haian Park lên đà định kỳ tại Quảng Châu – TQ vào tháng 2 năm 2020 cũng như tàu Haian Link và Haian Mind dự kiến vào tháng 5 và 8/2020.
- Đầu tư nâng cấp cầu cảng Hải An để có thể tiếp nhận được tàu có trọng tải đến 25.800 DWT.

IV. Thông tin quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số CP nắm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------|---------------|---------|---------|
| 1 | Ô. Vũ Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT | 812.502 | 1,67 | |
| 2 | Ô. Vũ Thanh Hải | TVHĐQT, kiêm TGĐ | 5.569.750 | 11,42 | |
| 3 | Ô. Nguyễn Ngọc Tuấn | TVHĐQT kiêm PTGD | 11.125 | 0,0228 | |
| 4 | Ô. Trần Quang Tiến | TVHĐQT | 3.000.500 | 6,15 | |

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số CP nắm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------|---------------|---------|---------|
| 5 | B. Trần Thị Hải Yến | TVHĐQT | 3.375 | 0,007 | |
| 6 | B. Nguyễn Thị Vân | TVHĐQT | 4.500 | 0,009 | |

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|---|
| 1 | 0103-2019/NQ-HĐQT | 19/03/2019 | - Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 |
| 2 | 0303-2019/NQ-HĐQT | 25/3/2019 | - Thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 |
| 3 | 0204-2019/NQ-HĐQT | 08/4/2019 | - Thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 25/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/4/2018 |
| 4 | 0205-2019/NQ-HĐQT | 20/5/2019 | - Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền |
| 5 | 0405-2019/NQ-HĐQT | 27/5/2019 | - Miễn nhiệm chức danh PTGD, Kế toán trưởng và Trưởng phòng QHCD Công ty đối với bà Phạm Thị Hồng Nhung |
| 6 | 0505-2019/NQ-HĐQT | 27/5/2019 | - Chấm dứt ủy quyền CBTT đối với bà Phạm Thị Hồng Nhung |
| 7 | 0206-2019/NQ-HĐQT | 03/6/2019 | - Phê duyệt việc ký kết hợp đồng với các bên có liên quan |
| 8 | 0406-2019/NQ-HĐQT | 05/6/2019 | - Bổ nhiệm bà Trần Thị Thanh Hào làm Phụ trách kế toán Công ty |
| 9 | 0606-2019/NQ-HĐQT | 11/6/2019 | - Phê duyệt việc ký kết hợp đồng với các bên có liên quan |
| 10 | 0207-2019/NQ-HĐQT | 22/7/2019 | - Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 |
| 11 | 0111-2019/NQ- | 18/11/2019 | - Thông qua phương án cho Công ty |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------|-------------------------|
| | HĐQT | | TNHH Pan Hải An vay vốn |

2. Ban Kiểm soát
- Thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số CP năm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------------|------------------|------------|---------|
| 1 | B. Nguyễn Thị Thanh Tú | Trưởng ban | 14.725 | 0,03 | |
| 4 | B. Trần Thị Thơm | Kiểm soát viên | 13.170 | 0,027 | |
| 5 | Ô. Nguyễn Xuân Lộc | Kiểm soát viên | 0 | 0 | |

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**3.1 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: (Giá trị trước thuế TNCN)**

| STT | Nội dung | Thù lao | Ghi chú |
|------------|--------------------------|----------------|----------------|
| I | Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Vũ Ngọc Sơn | 72.000.000 | |
| 2 | Bùi Tuấn Ngọc | 42.000.000 | |
| 3 | Vũ Thanh Hải | 72.000.000 | |
| 4 | Trần Quang Tiến | 54.000.000 | |
| 5 | Nguyễn Ngọc Tuấn | 54.000.000 | |
| 6 | Nguyễn Thị Vân | 54.000.000 | |
| 7 | Trần Thị Hải Yến | 72.000.000 | |
| II | Ban Kiểm soát | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Tú | 36.000.000 | |
| 2 | Trần Thị Thơm | 36.000.000 | |
| 3 | Nguyễn Xuân Lộc | 36.000.000 | |

3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Công ty Cổ phần Transimex | Ông Bùi Tuần Ngọc - Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex | 3.242.475 | 6,65% | 5 | 0,00001% | - Giảm đầu tư |

3.3 Các hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan:
a) Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương, phụ cấp | 6.966.073.643 | 6.918.618.545 |
| Cộng | 6.966.073.643 | 6.966.073.643 |

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

Công ty phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan là công ty liên kết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i> | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 18.768.602.236 | 4.878.921.726 |
| Sử dụng dịch vụ đại lý | 6.764.666.984 | 7.795.804.368 |
| Trả lại vốn góp BCC cho Công ty liên kết | | 10.000.000.000 |
| Công ty liên kết chia lợi nhuận | | 2.500.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</i> | | |
| Doanh thu cung cấp cho Công ty liên kết | 411.799.523 | 1.077.666.717 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ | 8.245.878.574 | 16.352.104.704 |
| Công ty liên kết chia cổ tức | | 141.933.918 |
| <i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i> | | |
| Góp vốn vào Công ty liên kết | 294.000.000 | 1.200.000.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 81.403.589.573 | 44.569.588.667 |
| Phải trả hoa hồng đại lý cho công ty liên kết | 4.042.473.827 | 944.446.208 |
| Nhận góp vốn BCC | 5.000.000.000 | |

c) Giao dịch của các bên liên quan khác:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i> | | |
| Trả cổ tức | 8.351.250.000 | 3.045.000.000 |

| | | |
|--|----------------|----------------|
| Chi phí thuê văn phòng | 3.160.146.289 | 2.865.096.669 |
| HACT sử dụng dịch vụ tư vấn | 2.683.290.000 | 2.074.260.000 |
| Nhận vốn góp BCC | | 10.000.000.000 |
| Trả lại vốn góp BCC | | 10.000.000.000 |
| HACT chia lợi nhuận BCC | 1.727.775.307 | |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | | |
| Trả cổ tức | 2.583.090.000 | 300.330.000 |
| Nhận vốn góp BCC | | 5.000.000.000 |
| Trả góp vốn BCC | | 5.000.000.000 |
| HACT chia lợi nhuận | 3.900.000.000 | |
| HACT chia BCC | 863.887.655 | |
| HACT sử dụng dịch vụ đại lý | 15.265.501.675 | 13.239.672.685 |
| Nhận chia cổ tức | | 700.000.000 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | | |
| Sử dụng dịch vụ khai thác tàu | | 3.357.445.350 |
| Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh | | |
| Sử dụng dịch vụ khai thác tàu | | 3.469.076.909 |
| Chi phí vận chuyển đường bộ | 2.811.753.636 | 78.550.000 |
| Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh | | |
| Trả cổ tức | 3.000.000.000 | |
| PAN sử dụng dịch vụ | 2.198.803.401 | 825.946.500 |
| Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh | | |
| Trả cổ tức | 1.500.000.000 | |
| Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT) | | |
| Phải trả VICT về cung cấp dịch vụ cho khai thác tàu | 39.101.233.293 | 46.663.408.465 |

V. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: www.haiants.vn (Mục Quan hệ Cổ đông)

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2020

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ
HẢI AN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỌ NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 14 - 43 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 11 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 được cấp ngày 15 tháng 08 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu | Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|----------|--|
| Ông Vũ Ngọc Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Vũ Thanh Hải | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc (*) | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
| Bà Trần Thị Hải Yến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Trần Quang Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |

(*) Quyết định số 0207-2019/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Bùi Tuấn Ngọc kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Bà Trần Thị Thơm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Xuân Lộc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Vũ Thanh Hải | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017 |
| Bà Phạm Thị Hồng Nhung | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0125/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0059-2018-008-1



Trần Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 412.931.797.328 | 353.263.018.581 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 180.212.617.667 | 184.928.446.586 |
| 1. Tiền | 111 | | 83.579.897.890 | 54.738.417.482 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 96.632.719.777 | 130.190.029.104 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 13.500.000.000 | 13.500.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 13.500.000.000 | 13.500.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 187.881.915.147 | 113.538.431.908 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 32.830.223.227 | 30.013.968.207 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.832.350.807 | 953.864.462 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 23.400.000.000 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 129.984.174.725 | 82.735.432.851 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (164.833.612) | (164.833.612) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 16.595.123.515 | 20.208.196.789 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 16.595.123.515 | 20.208.196.789 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 14.742.140.999 | 21.087.943.298 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 1.733.081.800 | 626.423.955 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 13.009.059.199 | 20.461.519.343 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 822.171.924.255 | 754.794.924.703 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 45.000.000.000 | 46.713.470.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 45.000.000.000 | 46.713.470.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 503.557.362.186 | 440.706.178.144 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 500.322.336.641 | 436.808.596.443 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 864.720.001.913 | 734.585.949.049 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (364.397.665.272) | (297.777.352.606) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 3.235.025.545 | 3.897.581.701 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 6.541.325.236 | 6.541.325.236 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (3.306.299.691) | (2.643.743.535) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 11.243.087.335 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 11.243.087.335 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 261.926.397.014 | 266.696.649.411 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 270.622.700.000 | 270.622.700.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 1.494.000.000 | 1.200.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 866.500 | 866.500 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (10.191.169.486) | (5.126.917.089) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 445.077.720 | 678.627.148 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 445.077.720 | 678.627.148 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.235.103.721.583 | 1.108.057.943.284 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 295.306.230.413 | 203.296.216.739 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 145.682.965.834 | 106.180.462.071 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 26.473.362.894 | 14.102.010.865 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.820.000 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 7.053.292.233 | 2.212.019.256 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 5.384.825.584 | 7.669.002.603 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 1.324.700.399 | 848.054.540 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | 1.956.766.916 | 676.878.538 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 36.158.498.199 | 27.002.098.136 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 47.608.779.962 | 34.575.735.486 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 19.720.919.647 | 19.094.662.647 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 149.623.264.579 | 97.115.754.668 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 35.000.000.000 | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 114.623.264.579 | 97.115.754.668 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 939.797.491.170 | 904.761.726.545 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 939.797.491.170 | 904.761.726.545 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 487.827.510.000 | 487.827.510.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 487.827.510.000 | 487.827.510.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 115.606.612.922 | 115.606.612.922 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (14.920.919.678) | (14.920.919.678) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 206.901.070.809 | 179.564.070.809 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 144.383.217.117 | 136.684.452.492 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 27.464.905.492 | 136.684.452.492 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 116.918.311.625 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.235.103.721.583 | 1.108.057.943.284 |

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hảo

Trần Thị Thanh Hảo

Vu Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 547.797.651.070 | 479.693.346.795 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 547.797.651.070 | 479.693.346.795 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 411.098.176.317 | 361.067.675.650 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 136.699.474.753 | 118.625.671.145 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 28.670.678.201 | 15.566.119.108 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 13.668.598.892 | 9.853.120.282 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 8.496.413.429 | 3.861.404.237 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 23.363.385.491 | 23.949.488.434 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 128.338.168.571 | 100.389.181.537 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 2.822.491.588 | 17.367.044.774 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 465.440.102 | 264.741.901 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 2.357.051.486 | 17.102.302.873 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 130.695.220.057 | 117.491.484.410 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 13.776.908.432 | 13.762.123.566 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>116.918.311.625</u> | <u>103.729.360.844</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | - | - |

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 130.695.220.057 | 117.491.484.410 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 73.904.039.431 | 55.896.962.460 |
| - Các khoản dự phòng | 03 V.2b | 5.064.252.397 | 5.076.917.089 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.4 | 5.755.269 | (139.742.873) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (28.881.507.184) | (28.828.257.811) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 8.496.413.429 | 3.861.404.237 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 189.284.173.399 | 153.358.767.512 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (47.772.375.222) | (24.237.135.240) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 3.613.073.274 | (17.514.701.520) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 53.563.809.777 | (38.777.714.326) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (873.108.417) | 4.291.531.949 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (7.383.442.975) | (3.101.950.608) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.14 | (7.609.956.481) | (13.168.518.518) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 V.19 | (8.941.743.000) | (7.537.695.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 173.880.430.355 | 53.312.584.249 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (146.737.884.398) | (223.724.550.022) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 3.891.272.726 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (23.400.000.000) | (13.713.180.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 45.213.180.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (294.000.000) | (71.366.820.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 29.717.663.930 | 22.932.765.879 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (136.822.947.742) | (240.658.604.143) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết | | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|------------|-------------------------|------------------------|
| | số | minh | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 199.617.562.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18 | 89.300.313.395 | 136.813.861.235 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18 | (58.699.033.333) | (44.783.264.439) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19 | (72.314.547.000) | (33.934.765.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(41.713.266.938)</i> | <i>257.713.393.796</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (4.655.784.325) | 70.367.373.902 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 184.928.446.586 | 114.378.534.552 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (60.044.594) | 182.538.132 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 180.212.617.667 | 184.928.446.586 |

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---------------------------------------|---|----------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Cung cấp dịch vụ cảng biển | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải | 50,5% | 50,5% | 50,5% |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ khai thác Depot | 51% | 51% | 51% |

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu | Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 73 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 76 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-20 |
| Máy móc và thiết bị | 3-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-5 |
| Tài sản cố định khác | 4-10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 580.094.292 | 572.975.912 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 82.999.803.598 | 54.165.441.570 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 96.632.719.777 | 130.190.029.104 |
| Cộng | 180.212.617.667 | 184.928.446.586 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 270.622.700.000 | (10.191.169.486) | 270.622.700.000 | (5.126.917.089) |
| Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾ | 30.000.000.000 | - | 30.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾ | 101.000.000.000 | - | 101.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 139.622.700.000 | (10.191.169.486) | 139.622.700.000 | (5.126.917.089) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 1.494.000.000 | - | 1.200.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv) | 1.494.000.000 | - | 1.200.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 866.500 | - | 866.500 | - |
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải | 864.000 | - | 864.000 | - |
| Công ty Cổ phần MHC | 2.500 | - | 2.500 | - |
| Cộng | 272.117.566.500 | (10.191.169.486) | 271.823.566.500 | (5.126.917.089) |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp 70.166.820.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (iv) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFF) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần của HAFF với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFF, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và Công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con, Công ty liên kết*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con, Công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 5.126.917.089 | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 5.064.252.397 | 5.126.917.089 |
| Số cuối năm | 10.191.169.486 | 5.126.917.089 |

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH Cảng Hải An | | |
| Công ty con chia lợi nhuận | 4.349.162.834 | 5.851.817.501 |
| Doanh thu khai thác cảng Công ty con thu hộ | 211.398.750.046 | 212.163.061.269 |
| Phí quản lý cảng phải trả cho Công ty con | 37.090.633.194 | 40.043.445.229 |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | | |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty con | 92.270.849.495 | 47.296.760.302 |
| Thu tiền lãi cho vay từ Công ty con | | 912.671.232 |
| Công ty con cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ | 16.632.793.500 | 13.280.122.500 |
| Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty con | 10.000.000.000 | |
| Công ty con phân chia lãi BCC năm 2018 | 7.774.998.895 | |
| Công ty con chia lợi nhuận | 15.150.000.000 | |
| Thu hồi tiền góp vốn BCC từ HACT | | 45.000.000.000 |
| Công ty TNHH Pan Hải An | | |
| Góp vốn vào Công ty con | | 70.166.820.000 |
| Cho Công ty con vay | 23.400.000.000 | 213.180.000 |
| Lãi cho vay | 139.750.000 | 1.340.990 |
| Công ty con cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng | 4.294.757.217 | 19.549.714 |
| Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho Công ty con | 981.864.652 | 244.269.750 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | | |
| Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết | 294.000.000 | 1.200.000.000 |
| Cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho Công ty liên kết | 386.074.577 | 96.854.545 |
| Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết | 5.000.000.000 | |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 25.827.834.366 | 18.451.737.993 |
| Công ty TNHH Cảng Hải An | 10.813.645.524 | 1.201.159.993 |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 14.138.000.731 | 16.257.872.689 |
| Công ty TNHH Pan Hải An | | 140.728.284 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 404.388.000 | 470.290.100 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 39.139.998 | 106.540.000 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức | | 3.300.000 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 432.660.113 | 271.846.927 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>7.002.388.861</i> | <i>11.562.230.214</i> |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Tico | 349.782.076 | 3.719.043.402 |
| Các khách hàng khác | 6.652.606.785 | 7.843.186.812 |
| Cộng | <u>32.830.223.227</u> | <u>30.013.968.207</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Wartsila Water Systems Limited | 1.136.372.466 | |
| Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh | 262.928.564 | 360.533.321 |
| Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc | | 239.222.508 |
| Các nhà cung cấp khác | 433.049.777 | 354.108.633 |
| Cộng | <u>1.832.350.807</u> | <u>953.864.462</u> |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An là bên liên quan vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay và có thể gia hạn tối đa thêm 24 tháng. Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể sau khi hết thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau của ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>10.941.652.613</i> | | <i>11.467.217.565</i> | |
| Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu | 926.627.596 | | 3.577.464.762 | |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC | 9.876.423.114 | | 7.774.988.895 | |
| Thành viên Hội đồng quản trị | 138.601.903 | | 114.763.908 | |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>119.042.522.112</i> | | <i>71.268.215.286</i> | |
| Lãi tiền gửi dự thu | 712.972.330 | | 337.039.158 | |
| Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾ | 92.763.292.500 | | 70.000.000.000 | |
| Đặt cọc để nhận chuyển nhượng Bất động sản ⁽ⁱⁱ⁾ | 22.000.000.000 | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 2.065.986.820 | | 347.872.836 | |
| Tạm ứng | 688.040.000 | | 555.240.156 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 812.230.462 | | 28.063.136 | |
| Cộng | <u>129.984.174.725</u> | | <u>82.735.432.851</u> | |

(i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

- (ii) Theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "MHC"), Công ty đã đặt cọc cho MHC số tiền 22.000.000.000 VND để tiến tới việc thỏa thuận và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng "Bất động sản" là Tòa nhà Hải An. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã có Công văn số 1601-2020/CV-HATS về gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 và được MHC chấp thuận. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên đang đàm phán để gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An lần thứ 2.

6b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 45.000.000.000 | | 45.000.000.000 | |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh BCC (*) | 45.000.000.000 | | 45.000.000.000 | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | 1.713.470.000 | |
| Ký cược, ký quỹ | | | 1.713.470.000 | |
| Cộng | 45.000.000.000 | | 46.713.470.000 | |

- (*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ("Bên kiểm soát") về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Theo biên bản họp các bên tham gia BCC ngày 23/01/2018, các bên đồng ý bán tàu "HaiAn Fair" với giá bán 8.900.000 USD. Số tiền thu được các bên thống nhất thu lại 50% tiền góp vốn BCC.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

| | Số tiền (VND) | Tỷ Lệ % |
|---|-----------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 45.000.000.000 | 56,25% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 10.000.000.000 | 12,50% |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 10.000.000.000 | 12,50% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 12,50% |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | 5.000.000.000 | 6,25% |
| Cộng | 80.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc Dự phòng |
| Công ty TNHH Vận tải Hung Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ | Trên 3 năm | 65.089.486 (65.089.486) | Trên 3 năm | 65.089.486 (65.089.486) |
| Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ | Trên 3 năm | 99.744.126 (99.744.126) | Trên 3 năm | 99.744.126 (99.744.126) |
| Cộng | | 164.833.612 (164.833.612) | | 164.833.612 (164.833.612) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 164.833.612 | 214.833.612 |
| Hoàn nhập dự phòng | | (50.000.000) |
| Số cuối năm | 164.833.612 | 164.833.612 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 16.481.256.242 | | 20.125.311.334 | |
| Công cụ, dụng cụ | 113.867.273 | | 82.885.455 | |
| Cộng | 16.595.123.515 | | 20.208.196.789 | |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí đầu nhòn | 1.234.185.400 | |
| Chi phí bảo hiểm | 349.024.404 | 417.214.670 |
| Phí đường bộ | 85.871.996 | 120.707.085 |
| Chi phí thuê văn phòng | 64.000.000 | 84.102.200 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | | 4.400.000 |
| Cộng | 1.733.081.800 | 626.423.955 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Bản quyền phần mềm | 47.497.230 | 254.538.894 |
| Công cụ dụng cụ | 315.310.488 | |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng | 82.270.002 | 424.088.254 |
| Cộng | 445.077.720 | 678.627.148 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 202.091.011.915 | 273.194.241.973 | 237.649.750.261 | 729.574.546 | 20.921.370.354 | 734.585.949.049 |
| Mua trong năm | - | 131.590.182 | 135.316.843.245 | 46.363.636 | - | 135.494.797.063 |
| Thanh lý, nhượng bán | (3.064.627.046) | - | (2.296.117.153) | - | - | (5.360.744.199) |
| Số cuối năm | 199.026.384.869 | 273.325.832.155 | 370.670.476.353 | 775.938.182 | 20.921.370.354 | 864.720.001.913 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 25.772.685.269 | 3.172.619.411 | - | 113.845.455 | - | 29.059.150.135 |
| Chờ thanh lý | | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 106.849.871.554 | 176.046.114.833 | 10.335.180.032 | 337.828.811 | 4.208.357.376 | 297.777.352.606 |
| Khấu hao trong năm | 11.286.995.456 | 28.495.341.330 | 27.482.472.648 | 159.959.929 | 2.103.762.024 | 69.528.531.387 |
| Thanh lý, nhượng bán | (612.101.568) | - | (2.296.117.153) | - | - | (2.908.218.721) |
| Số cuối năm | 117.524.765.442 | 204.541.456.163 | 35.521.535.527 | 497.788.740 | 6.312.119.400 | 364.397.665.272 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 95.241.140.361 | 97.148.127.140 | 227.314.570.229 | 391.745.735 | 16.713.012.978 | 436.808.596.443 |
| Số cuối năm | 81.501.619.427 | 68.784.375.992 | 335.148.940.826 | 278.149.442 | 14.609.250.954 | 500.322.336.641 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 365.432.194.401 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 4.945.015.236 | 1.596.310.000 | 6.541.325.236 |
| Số cuối năm | 4.945.015.236 | 1.596.310.000 | 6.541.325.236 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.108.931.861 | 534.811.674 | 2.643.743.535 |
| Khấu hao trong năm | 141.286.152 | 521.270.004 | 662.556.156 |
| Số cuối năm | 2.250.218.013 | 1.056.081.678 | 3.306.299.691 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2.836.083.375 | 1.061.498.326 | 3.897.581.701 |
| Số cuối năm | 2.694.797.223 | 540.228.322 | 3.235.025.545 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | | 145.037.521.154 | (133.884.888.364) | 11.152.632.790 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | 90.454.545 | | 90.454.545 |
| Cộng | | 145.127.975.699 | (133.884.888.364) | 11.243.087.335 |

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 2.327.490.612 | 1.141.434.751 |
| Công ty TNHH Pan Hải An | 1.138.791.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | 1.132.654.027 | 1.041.662.731 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 56.045.585 | 93.164.685 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | - | 6.607.335 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 24.145.872.282 | 12.960.576.114 |
| Triton Container International Ltd., | 2.385.083.104 | 2.137.259.433 |
| ForkliftCenter Rental B.V | 8.921.523.520 | |
| Các nhà cung cấp khác | 12.839.265.658 | 10.823.316.681 |
| Cộng | 26.473.362.894 | 14.102.010.865 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | 4.783.739.348 | (4.156.529.622) | 627.209.726 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | | 29.084.356 | (29.084.356) | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 558.702.244 | 11.832.558.267 | (7.609.956.481) | 4.781.304.030 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.653.317.012 | 4.591.055.678 | (4.599.594.213) | 1.644.778.477 |
| Tiền thuê đất | | 1.777.640.083 | (1.777.640.083) | |
| Thuế môn bài | | 5.000.000 | (5.000.000) | |
| Lệ phí trước bạ | | 636.800.000 | (636.800.000) | |
| Cộng | 2.212.019.256 | 23.655.877.732 | (18.814.604.755) | 7.053.292.233 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-----|
| Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài | 0% |
| Cung cấp nước ngọt | 5% |
| Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 130.695.220.057 | 117.491.484.410 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 1.130.434.474 | 223.516.947 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.130.434.474 | 223.516.947 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| Thu nhập chịu thuế | 131.825.654.531 | 117.715.001.357 |
| Thu nhập được miễn thuế | (20.836.739.824) | (5.851.817.501) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | | |
| Thu nhập tính thuế | 110.988.914.707 | 111.863.183.856 |
| Trong đó: | | |
| - Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi | 56.480.858.307 | 58.356.170.968 |
| - Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi | 25.070.992.424 | 27.209.044.827 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| - Hoạt động khai thác tàu | 29.437.063.976 | 26.297.968.061 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <i>22.197.782.941</i> | <i>22.372.636.771</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | <i>(8.472.128.746)</i> | <i>(5.835.617.097)</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i> | | <i>(2.917.808.548)</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i> | <i>13.725.654.195</i> | <i>13.619.211.126</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | <i>51.254.237</i> | <i>142.912.440</i> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.776.908.432 | 13.762.123.566 |
| Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ | (2.469.105.779) | (5.029.517.976) |
| Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh | 524.755.614 | 69.009.094 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 11.832.558.267 | 8.801.614.684 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 1.057.731.649 | 848.054.540 |
| Chi phí bảo hiểm thân tàu | 106.779.250 | |
| Chi phí môi giới | 160.189.500 | |
| Cộng | 1.324.700.399 | 848.054.540 |

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu năm 2020

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>2.494.406.589</i> | <i>344.159.877</i> |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – lãi hợp tác kinh doanh | 599.527.942 | - |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – tiền chi hộ | - | 224.775.724 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức - lãi hợp tác kinh doanh | 674.748.381 | 75.220.439 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An – lãi hợp tác kinh doanh | 44.163.714 | 44.163.714 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà – lãi hợp tác kinh doanh | 599.527.942 | - |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An – lãi hợp tác kinh doanh | 300.438.610 | - |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 276.000.000 | - |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 33.664.091.610 | 26.657.938.259 |
| Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh | 30.477.701 | 30.477.701 |
| Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh | 100.276.373 | 100.276.373 |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh | 25.898.150 | 25.898.150 |
| Các khoản thu hộ SM Line Corporation | 32.866.011.150 | 25.575.794.806 |
| Kinh phí công đoàn | 173.458.514 | 103.881.098 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | - | 39.936.520 |
| Cổ tức phải trả | 418.950.000 | 418.950.000 |
| Thuế vãng lai phải nộp | - | 317.832.237 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 49.019.722 | 44.891.374 |
| Cộng | 36.158.498.199 | 27.002.098.136 |

17b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-------------------|
| Phải trả các bên liên quan về góp vốn BCC^(*) | 35.000.000.000 | |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 10.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 10.000.000.000 | |
| Cộng | 35.000.000.000 | |

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> | <u>Tỷ Lệ %</u> |
|---|-----------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 40.000.000.000 | 53,33% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 10.000.000.000 | 13,33% |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | 6,68% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 13,33% |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 10.000.000.000 | 13,33% |
| Cộng | 75.000.000.000 | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>7.861.226.074</i> | <i>5.049.365.476</i> |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 | - | 5.049.365.476 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾ | 7.861.226.074 | - |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18.b)</i> | <i>39.747.553.888</i> | <i>29.526.370.010</i> |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 | 4.035.629.063 | 4.037.098.620 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng | 35.711.924.825 | 25.489.271.390 |
| Cộng | <u>47.608.779.962</u> | <u>34.575.735.486</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIAN ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 5.049.365.476 | 29.526.370.010 | 34.575.735.486 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 28.800.313.395 | | 28.800.313.395 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | | 39.747.553.888 | 39.747.553.888 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (25.988.452.797) | (29.526.370.010) | (55.514.822.807) |
| Số cuối năm | <u>7.861.226.074</u> | <u>39.747.553.888</u> | <u>47.608.779.962</u> |

18b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾ | 112.130.102.609 | 90.584.153.740 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.493.161.970 | 6.531.600.928 |
| Cộng | <u>114.623.264.579</u> | <u>97.115.754.668</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTĐ/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 39.747.553.888 | 29.526.370.010 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 114.623.264.579 | 97.115.754.668 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | <u>154.370.818.467</u> | <u>126.642.124.678</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 97.115.754.668 | 19.678.009.170 |
| Số tiền vay phát sinh | 60.500.000.000 | 107.036.825.000 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (3.184.210.526) | |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (39.747.553.888) | (29.526.370.010) |
| CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm | (60.725.675) | (72.709.492) |
| Số cuối năm | <u>114.623.264.579</u> | <u>97.115.754.668</u> |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 14.463.218.213 | 5.467.000.000 | (4.803.743.000) | 15.126.475.213 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành công ty | 4.631.444.434 | 4.101.000.000 | (4.138.000.000) | 4.594.444.434 |
| Cộng | <u>19.094.662.647</u> | <u>9.568.000.000</u> | <u>(8.941.743.000)</u> | <u>19.720.919.647</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 345.078.180.000 | 58.738.380.922 | (14.920.919.678) | 152.064.070.809 | 104.039.856.648 | 644.999.568.701 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*) | 142.749.330.000 | 56.868.232.000 | - | - | - | 199.617.562.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 103.729.360.844 | 103.729.360.844 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 27.500.000.000 | (37.150.000.000) | (9.650.000.000) |
| Trả cổ tức năm 2017 | - | - | - | - | (33.934.765.000) | (33.934.765.000) |
| Số dư cuối năm trước | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 179.564.070.809 | 136.684.452.492 | 904.761.726.545 |
| Số dư đầu năm nay | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 179.564.070.809 | 136.684.452.492 | 904.761.726.545 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 116.918.311.625 | 116.918.311.625 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 27.337.000.000 | (36.905.000.000) | (9.568.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2018 | - | - | - | - | (72.314.547.000) | (72.314.547.000) |
| Số dư cuối năm nay | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 206.901.070.809 | 144.383.217.117 | 939.797.491.170 |

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 số 0203-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/3/2017, Công ty đã thực hiện chào bán 14.274.933 cổ phần ra công chúng với giá chào bán 14.000 VND/cổ phần. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0204-2019/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 4 năm 2019 về thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ phát hành được sử dụng để đầu tư Dự án Nam Đình Vũ số tiền là 139.622.700.000 VND, Dự án Cải Mép số tiền là 40.000.000.000 VND, Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 số tiền là 20.013.774.941 VND. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An đã đầu tư vào dự án Nam Đình Vũ số tiền là 139.622.700.000 VND, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh số tiền là 20.013.774.941 VND, số tiền còn lại thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chưa được sử dụng là 40.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 573.053 | 573.053 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 573.053 | 573.053 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 48.209.698 | 48.209.698 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 48.209.698 | 48.209.698 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 0204-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 như sau:

| | VND |
|---------------------------------|------------------|
| Chia cổ tức cho các cổ đông | : 72.314.547.000 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | : 27.337.000.000 |
| Trích quỹ Ban điều hành | : 4.101.000.000 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 5.467.000.000 |

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 1.316.943,03 | 642.545,22 |
| Euro (EUR) | 40,54 | 40,54 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu hoạt động khai thác cảng | 245.518.184.155 | 266.816.519.707 |
| Doanh thu hoạt động khai thác tàu | 220.777.554.047 | 129.266.602.641 |
| Trong đó: | | |
| <i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i> | 127.610.970.962 | 118.867.336.490 |
| <i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i> | 34.452.435.320 | |
| <i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i> | 58.714.147.765 | 10.399.266.151 |
| Doanh thu hoạt động khác | 81.501.912.868 | 83.610.224.447 |
| Cộng | <u>547.797.651.070</u> | <u>479.693.346.795</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 3.263.152.786 | 425.936.454 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | 241.482.819 | 1.034.930.353 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 81.126.700 | 56.494.250 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng | 2.201.322.872 | 2.131.722.886 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 20.300.000 | 8.600.000 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hoạt động cảng | 168.347.958.849 | 184.600.308.472 |
| Giá vốn của hoạt động tàu | 182.018.479.952 | 117.526.969.213 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Giá vốn của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD | 115.101.015.476 | 108.201.348.121 |
| Giá vốn của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD | 26.948.203.148 | - |
| Giá vốn khai thác tàu Hai An Link | 39.969.261.328 | 9.325.621.092 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 60.731.737.516 | 58.940.397.965 |
| Cộng | <u>411.098.176.317</u> | <u>361.067.675.650</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 6.599.483.938 | 7.145.363.093 |
| Lãi tiền cho vay | 139.750.000 | 914.012.222 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 20.836.739.824 | 5.851.818.001 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.094.704.439 | 1.196.718.629 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 458.207.163 |
| Cộng | <u>28.670.678.201</u> | <u>15.566.119.108</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 8.496.413.429 | 3.861.404.237 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn | 5.064.252.397 | 5.126.917.089 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 102.177.797 | 622.572.030 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 5.755.269 | 242.226.926 |
| Cộng | <u>13.668.598.892</u> | <u>9.853.120.282</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 10.935.269.891 | 11.883.351.337 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 460.664.301 | 647.891.452 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 70.814.545 | 27.211.181 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.843.487.580 | 1.835.887.349 |
| Thuế, phí và lệ phí | 96.349.000 | 116.054.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.159.924.390 | 3.416.642.474 |
| Các chi phí khác | 6.796.875.784 | 6.022.450.641 |
| Cộng | <u>23.363.385.491</u> | <u>23.949.488.434</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.438.747.248 | |
| BCC chia lãi thanh lý tài sản cố định | | 15.096.884.894 |
| BCC chia tiền bồi thường hư hỏng máy chính tàu Hai-an Bell | 927.203.999 | |
| BCC chia tiền cược cont tồn 2018 | 33.620.886 | |
| Tiền bồi thường | 86.602.005 | 1.423.331.951 |
| Xử lý công nợ | 221.028.147 | 778.627.435 |
| Thu nhập khác | 115.289.303 | 68.200.494 |
| Cộng | <u>2.822.491.588</u> | <u>17.367.044.774</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 85.116.946 | 78.445.447 |
| Bồi thường tổn thất | | 88.041.098 |
| Xử lý công nợ | 370.642.595 | 21.770.000 |
| Chi phí khác | 9.680.561 | 76.485.356 |
| Cộng | <u>465.440.102</u> | <u>264.741.901</u> |

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 87.437.702.038 | 67.598.638.090 |
| Chi phí nhân công | 35.982.060.420 | 30.026.886.466 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 73.904.039.431 | 55.896.962.460 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 179.400.057.324 | 172.040.425.615 |
| Chi phí khác | 54.697.582.993 | 54.546.440.688 |
| Cộng | <u>431.421.442.206</u> | <u>380.109.353.319</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 252.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 540.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 2.580.761.544 | 3.934.618.545 |
| Phụ cấp | 598.000.000 | 982.000.000 |
| Tiền thưởng | 2.240.045.433 | 2.002.000.000 |
| Cộng | 5.418.806.977 | 6.918.618.545 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Công ty liên kết của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | Công ty con của Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd. | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Gelex Logistics | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Cảng miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ của HAGS | 5.100.360.390 | 8.115.170.158 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i> | | |
| Trả cổ tức | 8.351.250.000 | 3.045.000.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 2.586.074.378 | 2.404.410.912 |
| Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC | 10.000.000.000 | |
| <i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i> | | |
| Trả cổ tức | 2.583.090.000 | 300.330.000 |
| Phải trả phí làm thủ tục hải quan | | 5.839.660 |
| Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC | 10.000.000.000 | |
| <i>Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh</i> | | |
| Trả cổ tức | 3.000.000.000 | |
| <i>Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh</i> | | |
| Trả cổ tức | 1.500.000.000 | |
| <i>Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (VICT)</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ của VICT | 2.278.646.732 | |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam</i> | | |
| Phải trả phí tàu lai | 9.000.000 | |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13, V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 245.518.184.155 | 220.777.554.047 | 81.501.912.868 | 547.797.651.070 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 245.518.184.155 | 220.777.554.047 | 81.501.912.868 | 547.797.651.070 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 77.170.225.306 | 38.759.074.095 | 20.770.175.352 | 136.699.474.753 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (23.363.385.491) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 113.336.089.262 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 28.670.678.201 |
| Chi phí tài chính | | | | (13.668.598.892) |
| Thu nhập khác | | | | 2.822.491.588 |
| Chi phí khác | | | | (465.440.102) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (13.776.908.432) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 116.918.311.625 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 12.630.951.307 | 134.016.478.546 | 46.363.636 | 146.693.793.489 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 41.821.569.785 | 24.355.143.884 | 4.247.923.302 | 70.424.636.971 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 266.816.519.707 | 129.266.602.641 | 83.610.224.447 | 479.693.346.795 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 266.816.519.707 | 129.266.602.641 | 83.610.224.447 | 479.693.346.795 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 82.216.211.235 | 11.739.633.428 | 24.669.826.482 | 118.625.671.145 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (23.949.488.434) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 94.676.182.711 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 15.566.119.108 |
| Chi phí tài chính | | | | (9.853.120.282) |
| Thu nhập khác | | | | 17.367.044.774 |
| Chi phí khác | | | | (264.741.901) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (13.762.123.566) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 103.729.360.844 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 5.291.560.000 | 219.948.050.022 | 3.064.627.046 | 228.304.237.068 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | <u>45.160.453.888</u> | <u>2.066.457.032</u> | <u>4.602.539.844</u> | <u>51.829.450.764</u> |

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|--------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>534.735.843.950</u> | <u>421.277.313.579</u> | <u>44.596.048.312</u> | 1.000.609.205.841 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>234.494.515.742</u> |
| Tổng tài sản | | | | <u>1.235.103.721.583</u> |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>19.847.596.868</u> | <u>191.171.822.160</u> | <u>51.295.824.997</u> | 262.315.244.025 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>32.990.986.388</u> |
| Tổng nợ phải trả | | | | <u>295.306.230.413</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>523.876.093.037</u> | <u>272.602.900.115</u> | <u>48.967.401.158</u> | 845.446.394.310 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>262.611.548.974</u> |
| Tổng tài sản | | | | <u>1.108.057.943.284</u> |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>24.075.453.939</u> | <u>108.224.961.220</u> | <u>13.769.122.237</u> | 146.069.537.396 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | <u>57.226.679.343</u> |
| Tổng nợ phải trả | | | | <u>203.296.216.739</u> |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

15-002
CÔNG TY
HỮU
VÀ TƯ
C
HÀ NỘI
- TP. Y

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

15-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 14 - 47 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 11 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 được cấp ngày 15 tháng 08 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu | Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|----------|--|
| Ông Vũ Ngọc Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Vũ Thanh Hải | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc (*) | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
| Bà Trần Thị Hải Yến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Trần Quang Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |

(*) Quyết định số 0207-2019/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Bùi Tuấn Ngọc kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Bà Trần Thị Thơm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Xuân Lộc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Vũ Thanh Hải | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017 |
| Bà Phạm Thị Hồng Nhung | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0126/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỖ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0059-2018-008-1



Trần Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 664.754.010.138 | 587.779.335.179 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 243.326.890.100 | 272.125.233.675 |
| 1. Tiền | 111 | | 118.294.170.323 | 88.635.204.571 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 125.032.719.777 | 183.490.029.104 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 51.981.363.014 | 13.500.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 51.981.363.014 | 13.500.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 267.343.034.818 | 217.513.466.269 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 117.897.225.787 | 122.272.253.242 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 27.299.869.009 | 6.853.244.550 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 123.210.836.378 | 89.093.891.301 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.064.896.356) | (705.922.824) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 53.198.489.706 | 34.979.953.834 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 53.198.489.706 | 34.979.953.834 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 48.904.232.500 | 49.660.681.401 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 4.223.426.408 | 3.407.011.431 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 44.680.806.092 | 46.253.669.970 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.162.790.192.860 | 1.068.200.173.118 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 10.000.000 | 1.713.470.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 10.000.000 | 1.713.470.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 854.670.089.064 | 812.401.135.234 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 850.300.321.404 | 806.210.134.443 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.419.105.679.781 | 1.257.155.997.981 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (568.805.358.377) | (450.945.863.538) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 4.369.767.660 | 6.191.000.791 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 11.754.927.885 | 11.754.927.885 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (7.385.160.225) | (5.563.927.094) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 11.702.435.197 | 3.816.588.904 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 11.702.435.197 | 3.816.588.904 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 44.474.068.209 | 42.123.582.570 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 34.023.201.709 | 31.672.716.070 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 10.450.866.500 | 10.450.866.500 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 251.933.600.390 | 208.145.396.410 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 251.933.600.390 | 208.145.396.410 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.827.544.202.998 | 1.655.979.508.297 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 572.861.976.118 | 437.303.264.078 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 285.902.315.289 | 247.670.262.660 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 99.823.206.611 | 80.289.365.173 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 638.338.680 | 223.930.590 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 12.145.971.653 | 12.727.404.059 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 17.203.459.004 | 19.584.718.240 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 5.859.543.849 | 3.108.733.891 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | 1.956.766.916 | 1.051.989.538 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 42.312.468.857 | 31.874.507.970 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 83.593.297.362 | 77.066.607.842 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.19 | 2.648.342.710 | 2.648.342.710 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 19.720.919.647 | 19.094.662.647 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 286.959.660.829 | 189.633.001.418 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 50.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 236.959.660.829 | 164.633.001.418 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

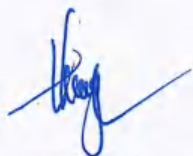
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--|--------------------------|--|
| | | | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.254.682.226.880 | | 1.218.676.244.219 | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 1.254.682.226.880 | | 1.218.676.244.219 | |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 487.827.510.000 | | 487.827.510.000 | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 487.827.510.000 | | 487.827.510.000 | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | | - | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 115.606.612.922 | | 115.606.612.922 | |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | | - | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | | - | |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (14.920.919.678) | | (14.920.919.678) | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | | - | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | | - | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 206.901.070.809 | | 179.564.070.809 | |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | | - | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | | - | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 200.523.678.148 | | 188.364.837.620 | |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 79.145.290.620 | | 188.364.837.620 | |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 121.378.387.528 | | - | |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | | - | |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 258.744.274.679 | | 262.234.132.546 | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | | - | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | | - | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.827.544.202.998 | | 1.655.979.508.297 | |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.108.933.049.361 | 1.054.283.124.381 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.108.933.049.361 | 1.054.283.124.381 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 889.647.403.512 | 834.979.388.181 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 219.285.645.849 | 219.303.736.200 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 15.447.852.651 | 14.671.888.632 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 17.355.030.825 | 10.422.309.018 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 17.035.078.178 | 7.127.084.332 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2b | 3.056.485.639 | 2.189.059.147 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 67.209.162.972 | 61.303.048.262 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 153.225.790.342 | 164.439.326.699 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 3.601.203.070 | 23.761.994.749 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 724.380.661 | 365.828.499 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 2.876.822.409 | 23.396.166.250 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 156.102.612.751 | 187.835.492.949 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 23.364.083.090 | 28.940.129.205 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 132.738.529.661 | 158.895.363.744 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | V.21 | 121.378.387.528 | 135.158.763.266 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | V.21 | 11.360.142.133 | 23.736.600.478 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | 2.348 | 3.065 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | 2.348 | 3.065 |

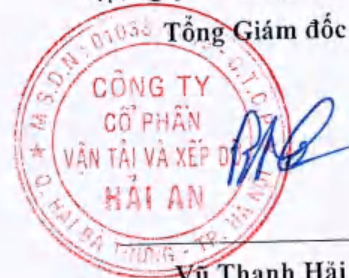
Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | |
|--|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 156.102.612.751 | 187.835.492.949 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 116.852.289.217 | 94.186.620.292 |
| - Các khoản dự phòng | 03 V.6 | 358.973.532 | 491.089.212 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.4 | 19.136.700 | (503.204.910) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (14.691.764.984) | (31.716.037.348) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 17.035.078.178 | 7.127.084.332 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 275.676.325.394 | 257.421.044.527 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (24.335.946.689) | (100.917.260.715) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (18.218.535.872) | 3.866.557.033 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 46.339.678.234 | (74.914.166.684) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (43.528.718.235) | (72.116.898.092) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (16.702.690.751) | (6.532.433.616) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.14 | (26.127.401.167) | (32.820.562.349) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 V.20 | (8.941.743.000) | (7.537.695.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 184.160.967.914 | (33.551.414.896) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (197.767.023.014) | (314.897.800.369) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 3.891.272.726 | 202.297.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (38.481.363.014) | (13.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 V.2b | (294.000.000) | (1.200.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 1.803.100.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 11.343.108.119 | 11.511.837.359 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (219.504.905.183) | (115.788.963.010) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

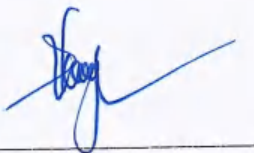
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|-------------------|------------------------|------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 267.188.562.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 V.18 | 185.287.410.295 | 173.704.659.735 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 V.18 | (106.346.905.689) | (153.054.296.287) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (72.314.547.000) | (33.934.765.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | <u>6.625.957.606</u> | <u>253.904.160.448</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (28.717.979.663) | 104.563.782.542 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 272.125.233.675 | 167.334.700.107 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (80.363.912) | 226.751.026 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | <u>243.326.890.100</u> | <u>272.125.233.675</u> |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---------------------------------------|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Cung cấp dịch vụ cảng biển | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải | 50,5% | 50,5% | 50,5% | 50,5% |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ Depot | 51% | 51% | 51% | 51% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (*) | Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 0% | 36% | 0% | 20% |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*) | Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ đại lý | 50% | 50% | 50% | 50% |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 36,89% | 40% | 36,89% | 40% |

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 338 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-20 |
| Máy móc và thiết bị | 3-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-5 |
| Tài sản cố định khác | 4-10 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 2.958.232.290 | 2.811.200.781 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 115.335.938.033 | 85.824.003.790 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 125.032.719.777 | 183.490.029.104 |
| Cộng | 243.326.890.100 | 272.125.233.675 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Giá gốc | Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
|---|-----------------------|--|-----------------------|-----------------------|---|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱ⁾ | | | | 1.000.000.000 | 978.454.878 | 1.978.454.878 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾ | 12.500.000.000 | 16.114.715.961 | 28.614.715.961 | 12.500.000.000 | 14.420.692.969 | 26.920.692.969 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.494.000.000 | 3.914.485.748 | 5.408.485.748 | 1.200.000.000 | 1.573.568.223 | 2.773.568.223 |
| Cộng | 13.994.000.000 | 20.029.201.709 | 34.023.201.709 | 14.700.000.000 | 16.972.716.070 | 31.672.716.070 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Biên bản họp số 0101-2019/BB-HĐQT ngày 02 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng quản trị, trong năm Công ty TNHH Cảng Hải An chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An cho Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An với giá chuyển nhượng 1.803.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty con không còn nắm giữ vốn góp tại Công ty này.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.
- (iii) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFF) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần của HAFF với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFF, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Góp vốn trong năm | Phần lãi hoặc lỗ trong năm | Giá trị phần chuyển nhượng | Giá trị phần sở hữu cuối năm |
|--|-----------------------------|--------------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | 1.978.454.878 | | (978.454.878) | (1.000.000.000) | - |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 26.920.692.969 | | 1.694.022.992 | | 28.614.715.961 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 2.773.568.223 | 294.000.000 | 2.340.917.525 | | 5.408.485.748 |
| Cộng | 31.672.716.070 | 294.000.000 | 3.056.485.639 | (1.000.000.000) | 34.023.201.709 |

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 18.765.693.145 | 4.878.921.726 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khai thác tàu | 4.589.157.893 | 7.795.804.368 |
| Công ty liên kết góp vốn hợp đồng BCC | - | 10.000.000.000 |
| Trả lại vốn góp BCC cho Công ty liên kết | - | 10.000.000.000 |
| Công ty liên kết chia lợi nhuận | 1.875.000.000 | 2.500.000.000 |
| Chia lợi nhuận cho Công ty liên kết | 2.175.000.000 | - |
| Thanh lý khoản đầu tư cho Công ty liên kết | 1.803.100.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 241.482.819 | 1.077.666.717 |
| Doanh thu cung cấp dầu Diesel cho Công ty liên kết | - | 141.933.918 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khai thác tàu | 5.100.360.390 | 8.115.170.158 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ | 3.145.518.184 | 8.233.414.546 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khác | - | 3.520.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty liên kết chia cổ tức | - | 270.465.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i> | | |
| Góp vốn vào Công ty liên kết | 294.000.000 | 1.200.000.000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 81.456.610.663 | 44.569.588.667 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ | 4.042.473.827 | - |
| Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết | 5.000.000.000 | - |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i> | <i>10.450.866.500</i> | | <i>10.450.866.500</i> | |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 10.000.000.000 | | 10.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô (*) | 450.000.000 | | 450.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải | 864.000 | | 864.000 | |
| Công ty Cổ phần MHC | 2.500 | | 2.500 | |
| Cộng | 10.450.866.500 | | 10.450.866.500 | |

(*) Trong năm, Tập đoàn nhận chia cổ tức bằng cổ phiếu từ Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô với tỷ lệ là 40%. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn nắm giữ 630.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>30.415.636.726</i> | <i>20.167.108.440</i> |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 18.264.644.398 | 14.140.755.902 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 4.193.957.248 | 633.277.100 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 661.078.545 | 612.709.000 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 7.290.556.535 | 4.567.529.087 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | - | 100.072.351 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 5.400.000 | 112.765.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>87.481.589.061</i> | <i>102.105.144.802</i> |
| Sea Consortium Pte Ltd | - | 22.658.437.552 |
| Ocean Network Express Pte. Ltd., | 13.302.195.064 | - |
| Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam | 12.647.063.334 | 12.016.989.965 |
| Các khách hàng khác | 61.532.330.663 | 67.429.717.285 |
| Cộng | 117.897.225.787 | 122.272.253.242 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng | 21.494.850.000 | - |
| Wartsila Water Systems Limited | 3.483.732.014 | - |
| Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc | - | 239.222.508 |
| Trung tâm Quan trắc Môi trường | - | 68.000.000 |
| AE Consulting & Trading bvba | - | 5.364.712.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.321.286.995 | 1.181.310.042 |
| Cộng | 27.299.869.009 | 6.853.244.550 |

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 138.601.903 | | 114.763.908 | |
| Thành viên Hội đồng quản trị | 138.601.903 | | 114.763.908 | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 123.072.234.475 | | 88.979.127.393 | |
| Lãi tiền gửi dự thu | 1.510.556.172 | | 403.746.555 | |
| Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾ | 92.763.292.500 | | 70.000.000.000 | |
| Đặt cọc để nhận chuyển nhượng Bất động sản ⁽ⁱⁱ⁾ | 22.000.000.000 | | - | |
| Ký cược, ký quỹ | 2.114.986.820 | | 396.872.836 | |
| Tạm ứng | 801.180.000 | | 659.240.156 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate | - | | 14.369.234.234 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 3.882.218.983 | | 3.150.033.612 | |
| Cộng | 123.210.836.378 | | 89.093.891.301 | |

(i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

(ii) Theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là “MHC”), Công ty đã đặt cọc cho MHC số tiền 22.000.000.000 VND để tiến tới việc thỏa thuận và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng “Bất động sản” là Tòa nhà Hải An. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã có Công văn số 1601-2020/CV-HATS về gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 và được MHC chấp thuận. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên đang đàm phán để gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An lần thứ 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh | Trên 3 năm | 65.089.486 | (65.089.486) | Trên 3 năm | 65.089.486 | (65.089.486) |
| Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia | Trên 3 năm | 99.744.126 | (99.744.126) | Trên 3 năm | 99.744.126 | (99.744.126) |
| Navigator Marine Corp | Từ 1 năm đến 2 năm | 1.800.125.488 | (900.062.744) | Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.803.630.707 | (541.089.212) |
| Cộng | | 1.964.959.100 | (1.064.896.356) | | 1.968.464.319 | (705.922.824) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 705.922.824 | 214.833.612 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 358.973.532 | 541.089.212 |
| Hoàn nhập dự phòng | | (50.000.000) |
| Số cuối năm | 1.064.896.356 | 705.922.824 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 53.084.622.433 | | 34.897.068.379 | |
| Công cụ, dụng cụ | 113.867.273 | | 82.885.455 | |
| Cộng | 53.198.489.706 | | 34.979.953.834 | |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Bảo hiểm chờ phân bổ | 1.729.027.263 | 1.696.882.210 |
| Chi phí đầu nhòn | 2.200.822.080 | 1.249.503.273 |
| Công cụ dụng cụ | 103.758.407 | 136.907.832 |
| Phí đường bộ | 85.871.996 | 120.707.085 |
| Chi phí thuê văn phòng | 64.000.000 | 84.102.200 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 39.946.662 | 118.908.831 |
| Cộng | 4.223.426.408 | 3.407.011.431 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí sửa chữa | | 706.449.273 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Park | 536.562.224 | 6.975.308.840 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Song | 9.384.671.266 | 2.633.327.131 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Time | 7.458.341.659 | |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Bell | 9.195.758.111 | 15.003.605.339 |
| Công cụ dụng cụ | 2.124.443.594 | 844.131.343 |
| Tiền thuê đất (*) | 223.017.147.144 | 181.728.035.590 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 216.676.392 | 254.538.894 |
| Cộng | <u>251.933.600.390</u> | <u>208.145.396.410</u> |

- (*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTĐ/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059. Tiền thuê được thanh toán trong 8 lần, lần thứ 8 trước ngày 30 tháng 6 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 268.971.100.854 | 280.039.232.177 | 666.206.308.161 | 2.585.982.571 | 39.353.374.218 | 1.257.155.997.981 |
| Mua trong năm | - | 16.630.265.686 | 136.213.452.336 | 733.972.636 | - | 153.577.690.658 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 13.732.735.341 | - | - | - | - | 13.732.735.341 |
| Thanh lý, nhượng bán | (3.064.627.046) | - | (2.296.117.153) | - | - | (5.360.744.199) |
| Số cuối năm | 279.639.209.149 | 296.669.497.863 | 800.123.643.344 | 3.319.955.207 | 39.353.374.218 | 1.419.105.679.781 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 25.849.452.720 | 10.062.064.160 | 771.091.818 | 1.670.443.162 | 63.636.364 | 38.416.688.224 |
| Chờ thanh lý | | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 108.421.972.265 | 182.816.374.494 | 153.527.895.776 | 1.754.355.921 | 4.425.265.082 | 450.945.863.538 |
| Khấu hao trong năm | 16.169.457.895 | 29.784.850.732 | 70.517.165.088 | 304.354.933 | 3.991.884.912 | 120.767.713.560 |
| Thanh lý, nhượng bán | (612.101.568) | - | (2.296.117.153) | - | - | (2.908.218.721) |
| Số cuối năm | 123.979.328.592 | 212.601.225.226 | 221.748.943.711 | 2.058.710.854 | 8.417.149.994 | 568.805.358.377 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 160.549.128.589 | 97.222.857.683 | 512.678.412.385 | 831.626.650 | 34.928.109.136 | 806.210.134.443 |
| Số cuối năm | 155.659.880.557 | 84.068.272.637 | 578.374.699.633 | 1.261.244.353 | 30.936.224.224 | 850.300.321.404 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 671.406.774.938 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|---|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 4.945.015.236 | 6.809.912.649 | 11.754.927.885 |
| Số cuối năm | 4.945.015.236 | 6.809.912.649 | 11.754.927.885 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.108.931.861 | 3.454.995.233 | 5.563.927.094 |
| Khấu hao trong năm | 141.286.152 | 1.679.946.979 | 1.821.233.131 |
| Số cuối năm | 2.250.218.013 | 5.134.942.212 | 7.385.160.225 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2.836.083.375 | 3.354.917.416 | 6.191.000.791 |
| Số cuối năm | 2.694.797.223 | 1.674.970.437 | 4.369.767.660 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u> | <u>Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|------------------------------|----------------------|--|---|--|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 145.037.521.154 | (133.884.888.364) | - | 11.152.632.790 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 2.740.688.182 | 11.427.501.704 | (13.732.735.341) | - | 435.454.545 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 1.075.900.722 | 23.045.516.478 | - | (24.007.069.338) | 114.347.862 |
| Cộng | 3.816.588.904 | 179.510.539.336 | (147.617.623.705) | (24.007.069.338) | 11.702.435.197 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 15.340.925.199 | 7.318.542.393 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 1.281.250.193 | 266.543.009 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | - | 750.796.415 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | 1.604.994.027 | 2.626.212.731 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 423.691.560 | 308.670.922 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức | 2.916.537.266 | 2.709.721.516 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | - | 7.260.000 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức | 99.660.000 | 483.955.000 |
| Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 | 8.571.196.122 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh | 443.596.031 | 165.382.800 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 84.482.281.412 | 72.970.822.780 |
| ForkliftCenter Rental B.V | 8.921.523.520 | - |
| BMS United Bunkers (Asia) Limited | 13.569.819.367 | 10.202.569.877 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam | - | 10.352.777.607 |
| Các nhà cung cấp khác | 61.990.938.525 | 52.415.475.296 |
| Cộng | 99.823.206.611 | 80.289.365.173 |

| 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Việt Á | 65.665.000 | - |
| Các khách hàng khác | 572.673.680 | 223.930.590 |
| Cộng | 638.338.680 | 223.930.590 |

| 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.106.715.908 | 45.715.835.912 | (45.816.031.776) | 3.006.520.044 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.279.955.415 | (1.279.955.415) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 40.926.106 | (40.926.106) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.799.608.005 | 25.110.682.149 | (26.127.401.167) | 6.782.888.987 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.821.080.146 | 6.263.748.555 | (5.728.266.079) | 2.356.562.622 |
| Tiền thuế đất | - | 1.777.640.083 | (1.777.640.083) | - |
| Thuế môn bài | - | 14.000.000 | (14.000.000) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 665.895.849 | (665.895.849) | - |
| Cộng | 12.727.404.059 | 80.868.684.069 | (81.450.116.475) | 12.145.971.653 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----|
| Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho thuê tàu | 0% |
| Cung cấp nước ngọt | 5% |
| Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 23.364.083.090 | 28.940.129.205 |
| Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh | 1.746.599.059 | 2.863.185.745 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>25.110.682.149</u> | <u>31.803.314.950</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhiên liệu tàu Haian Song | - | 1.802.532.141 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 1.389.254.763 | 1.056.867.336 |
| Chi phí bảo hiểm thân tàu | 106.779.250 | - |
| Chi phí môi giới | 160.189.500 | - |
| Tạm tính chi phí khai thác tàu | 3.900.654.995 | 249.334.414 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 302.665.341 | - |
| Cộng | <u>5.859.543.849</u> | <u>3.108.733.891</u> |

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu năm 2020.

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>7.381.780.374</i> | <i>4.438.822.422</i> |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh | 1.772.128.724 | 939.108.094 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh | 2.238.924.406 | 1.771.939.021 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh | 2.794.288.634 | 1.727.775.307 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - lãi hợp tác kinh doanh | 300.438.610 | - |
| Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 276.000.000 | - |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 34.930.688.483 | 27.435.685.548 |
| Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh | 30.477.701 | 30.477.701 |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh | 25.898.150 | 25.898.150 |
| Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh | 100.276.373 | 100.276.373 |
| Các khoản thu hộ SM Line Corporation | 32.866.011.150 | 25.575.794.806 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 780.000.000 | 380.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 462.357.036 | 358.859.625 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 3.273.700 | 49.078.020 |
| Cổ tức phải trả | 418.950.000 | 418.950.000 |
| Thuế vãng lai phải nộp | - | 317.832.237 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 243.444.373 | 178.518.636 |
| Cộng | <u>42.312.468.857</u> | <u>31.874.507.970</u> |

17b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan về góp vốn BCC | 50.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức | 15.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 20.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Cộng | <u>50.000.000.000</u> | <u>25.000.000.000</u> |

- (*) Số dư cuối kỳ là số phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ("bên kiểm soát") và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>7.861.226.074</i> | <i>5.049.365.476</i> |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 | - | 5.049.365.476 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾ | 7.861.226.074 | - |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i> | <i>75.732.071.288</i> | <i>72.017.242.366</i> |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính | - | 6.455.700.160 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | 69.502.128.825 | 52.001.607.390 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội | - | 7.327.578.396 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 | 6.229.942.463 | 6.232.356.420 |
| Cộng | <u>83.593.297.362</u> | <u>77.066.607.842</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIAN ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Vay dài hạn đến | | Cộng |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Vay ngắn hạn | hạn trả | |
| Số đầu năm | 5.049.365.476 | 72.017.242.366 | 77.066.607.842 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 28.800.313.395 | - | 28.800.313.395 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | 75.732.071.288 | 75.732.071.288 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (25.988.452.797) | (72.017.242.366) | (98.005.695.163) |
| Số cuối năm | <u>7.861.226.074</u> | <u>75.732.071.288</u> | <u>83.593.297.362</u> |

18b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | <i>236.959.660.829</i> | <i>164.633.001.418</i> |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾ | 228.432.137.009 | 149.869.183.740 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾ | 8.527.523.820 | 14.763.817.678 |
| Cộng | <u>236.959.660.829</u> | <u>164.633.001.418</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTĐ/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sowni romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iii) Vay ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay với lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng . Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty.
 - Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 75.732.071.288 | 72.017.242.366 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 169.325.079.429 | 164.633.001.418 |
| Trên 5 năm | 67.634.581.400 | |
| Cộng | <u>312.691.732.117</u> | <u>236.650.243.784</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 164.633.001.418 | 143.122.894.109 |
| Số tiền vay phát sinh | 156.487.096.900 | 143.927.623.500 |
| Số tiền vay đã trả | (8.341.210.526) | (51.314.104.800) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (75.732.071.288) | (72.017.242.366) |
| CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm | (87.155.675) | 913.830.975 |
| Số cuối năm | <u>236.959.660.829</u> | <u>164.633.001.418</u> |

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 14.463.218.213 | 5.467.000.000 | (4.803.743.000) | 15.126.475.213 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành công ty | 4.631.444.434 | 4.101.000.000 | (4.138.000.000) | 4.594.444.434 |
| Cộng | <u>19.094.662.647</u> | <u>9.568.000.000</u> | <u>(8.941.743.000)</u> | <u>19.720.919.647</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm trước | 345.078.180.000 | 58.738.380.922 | (14.920.919.678) | 152.064.070.809 | 124.290.839.354 | 170.926.532.068 | 836.177.083.475 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*) | 142.749.330.000 | 56.868.232.000 | - | - | - | - | 199.617.562.000 |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm | - | - | - | - | - | 67.571.000.000 | 67.571.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 135.158.763.266 | 23.736.600.478 | 158.895.363.744 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 27.500.000.000 | (37.150.000.000) | - | (9.650.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2017 | - | - | - | - | (33.934.765.000) | - | (33.934.765.000) |
| Số dư cuối năm trước | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 179.564.070.809 | 188.364.837.620 | 262.234.132.546 | 1.218.676.244.219 |
| Số dư đầu năm nay | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 179.564.070.809 | 188.364.837.620 | 262.234.132.546 | 1.218.676.244.219 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 121.378.387.528 | 11.360.142.133 | 132.738.529.661 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 27.337.000.000 | (36.905.000.000) | - | (9.568.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2018 | - | - | - | - | (72.314.547.000) | (14.850.000.000) | (87.164.547.000) |
| Số dư cuối năm nay | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 206.901.070.809 | 200.523.678.148 | 258.744.274.679 | 1.254.682.226.880 |

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 số 0203-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/3/2017, Công ty đã thực hiện chào bán 14.274.933 cổ phần ra công chúng với giá chào bán 14.000 VND/cổ phần. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0204-2019/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 4 năm 2019 về thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ phát hành được sử dụng để đầu tư Dự án Nam Đình Vũ số tiền là 139.622.700.000 VND, Dự án Cải Mép số tiền là 40.000.000.000 VND, Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 số tiền là 20.013.774.941 VND. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Vận tài và Xếp dỡ Hải An đã đầu tư vào dự án Nam Đình Vũ số tiền là 139.622.700.000 VND, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh số tiền là 20.013.774.941 VND, số tiền còn lại thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chưa được sử dụng là 40.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 573.053 | 573.053 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 573.053 | 573.053 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 48.209.698 | 48.209.698 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 48.209.698 | 48.209.698 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 0204-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 như sau:

| | |
|---------------------------------|------------------|
| | VND |
| Chia cổ tức cho các cổ đông | : 72.314.547.000 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | : 27.337.000.000 |
| Trích quỹ Ban điều hành | : 4.101.000.000 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 5.467.000.000 |

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 1.844.541,81 | 1.073.229,92 |
| Euro (EUR) | 301,83 | 312,75 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu hoạt động khai thác cảng | 167.863.270.629 | 203.150.743.738 |
| Doanh thu hoạt động khai thác tàu | 880.237.417.463 | 795.651.564.319 |
| Trong đó: | | |
| <i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i> | 127.610.970.962 | 118.867.336.490 |
| <i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i> | 34.452.435.320 | |
| <i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i> | 58.714.147.765 | 10.399.266.151 |
| Doanh thu hoạt động khác | 60.832.361.269 | 55.480.816.324 |
| Cộng | <u>1.108.933.049.361</u> | <u>1.054.283.124.381</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 3.438.689.460 | 1.822.556.668 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng | 28.846.133.865 | 16.697.124.504 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 895.925.455 | 4.606.629.366 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hoạt động cảng | 88.839.755.624 | 113.300.072.496 |
| Giá vốn của hoạt động tàu | 767.605.552.440 | 684.872.195.939 |
| Trong đó: | | |
| Giá vốn của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD | 115.101.015.476 | 108.201.348.121 |
| Giá vốn của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD | 26.948.203.148 | |
| Giá vốn khai thác tàu Hai An Link | 39.969.261.328 | 9.275.219.702 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 33.202.095.448 | 36.807.119.746 |
| Cộng | <u><u>889.647.403.512</u></u> | <u><u>834.979.388.181</u></u> |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 8.726.502.162 | 8.135.501.574 |
| Lãi tiền cho vay | - | 135.526.027 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.912.576.990 | 3.562.355.911 |
| Lãi chuyển nhượng công ty liên kết | 803.100.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.005.673.499 | 2.085.658.437 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 752.846.683 |
| Cộng | <u><u>15.447.852.651</u></u> | <u><u>14.671.888.632</u></u> |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 17.035.078.178 | 7.127.084.332 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 300.815.947 | 3.045.582.913 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 19.136.700 | 249.641.773 |
| Cộng | <u><u>17.355.030.825</u></u> | <u><u>10.422.309.018</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 34.926.512.913 | 30.007.658.310 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.397.699.416 | 1.822.250.818 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 884.330.371 | 619.101.648 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.959.419.534 | 3.865.551.535 |
| Thuế, phí và lệ phí | 126.584.000 | 158.501.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 358.973.532 | 541.089.212 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.046.668.140 | 9.248.769.646 |
| Các chi phí khác | 17.508.975.066 | 15.040.126.093 |
| Cộng | <u>67.209.162.972</u> | <u>61.303.048.262</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.438.747.248 | - |
| BCC chia lãi thanh lý tài sản cố định | - | 19.940.106.330 |
| BCC chia tiền bồi thường hư hỏng máy chĩnh tàu Hai An Bell | 927.203.999 | - |
| BCC chia tiền cược cont tồn năm 2018 | 33.620.886 | - |
| Tiền bồi thường | 648.733.744 | 2.897.056.881 |
| Xử lý công nợ | 221.028.147 | 778.627.435 |
| Thu nhập khác | 331.869.046 | 146.204.103 |
| Cộng | <u>3.601.203.070</u> | <u>23.761.994.749</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thuế bị phạt, truy thu | 260.657.191 | - |
| Phạt vi phạm hành chính | 80.960.000 | 109.087.436 |
| Bồi thường tổn thất | - | 125.875.243 |
| Xử lý công nợ | 370.642.595 | 21.770.000 |
| Chi phí khác | 12.120.875 | 109.095.820 |
| Cộng | <u>724.380.661</u> | <u>365.828.499</u> |

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 121.378.387.528 | 135.158.763.266 |
| Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT ⁽ⁱ⁾ | (8.184.281.814) | (8.856.372.339) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 113.194.105.714 | 126.302.390.927 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 48.209.698 | 41.209.114 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>2.348</u> | <u>3.065</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2019 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 11 tháng 4 năm 2019 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 48.209.698 | 33.934.765 |
| Ảnh hưởng của 14.274.933 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018 | | 7.274.349 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 48.209.698 | 41.209.114 |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 324.723.742.074 | 308.972.314.208 |
| Chi phí nhân công | 115.960.854.371 | 103.133.738.840 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 116.852.289.217 | 94.186.620.292 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 321.744.738.251 | 315.388.617.022 |
| Chi phí khác | 71.609.478.771 | 69.693.335.316 |
| Cộng | 950.891.102.684 | 891.374.625.678 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------------|
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho Cổ đông Công ty mẹ | | 199.617.562.000 |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho Cổ đông không kiểm soát | | 67.571.000.000 |
| Cộng | | 267.188.562.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 252.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 540.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 3.896.728.210 | 3.934.618.545 |
| Phụ cấp | 618.400.000 | 982.000.000 |
| Tiền thưởng | 2.450.945.433 | 2.002.000.000 |
| Cộng | <u>6.966.073.643</u> | <u>6.918.618.545</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Công ty liên kết của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | Công ty con của Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd. | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Gelex Logistics | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Cảng miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i> | | |
| Chia cổ tức cho Bên liên quan | 8.351.250.000 | 3.045.000.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 3.160.146.289 | 2.404.410.912 |
| Sử dụng dịch vụ tư vấn | 2.683.290.000 | 2.074.260.000 |
| Tiền thuê văn phòng, tiền điện tại Hồ Chí Minh | | 460.685.757 |
| Nhận góp vốn BCC | 10.000.000.000 | |
| Trả vốn góp BCC | | 10.000.000.000 |
| <i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i> | | |
| Chia cổ tức, lợi nhuận cho Bên liên quan | 6.483.090.000 | 300.330.000 |
| Phải trả phí làm thủ tục hải quan | | 5.839.660 |
| Trả góp vốn BCC | | 5.000.000.000 |
| Nhận góp vốn BCC | 10.000.000.000 | |
| Vay | | 3.000.000.000 |
| Trả tiền vay | | 3.000.000.000 |
| Sử dụng dịch vụ đại lý | 15.265.501.675 | 13.239.672.685 |
| Bên liên quan chia cổ tức | 700.000.000 | 700.000.000 |
| <i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ đại lý | 43.636.708 | 6.600.000 |
| <i>Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ đại lý | 2.811.753.636 | 3.469.076.909 |
| <i>Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh</i> | | |
| Trả cổ tức | 3.000.000.000 | |
| Sử dụng dịch vụ nâng hạ | 2.198.803.401 | 825.946.500 |
| <i>Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh</i> | | |
| Trả cổ tức | 1.500.000.000 | |
| <i>Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (VICT)</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ khai thác tàu | 39.101.233.293 | 46.663.408.465 |
| <i>Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam</i> | | |
| Phải trả phí tàu lai | 9.000.000 | |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Hoạt động khác | Cộng |
|---|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 167.863.270.629 | 880.237.417.463 | 60.832.361.269 | 1.108.933.049.361 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 167.863.270.629 | 880.237.417.463 | 60.832.361.269 | 1.108.933.049.361 |
| | | | | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 79.023.515.005 | 112.631.865.023 | 27.630.265.821 | 219.285.645.849 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | 67.209.162.972 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 152.076.482.877 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 15.447.852.651 |
| Chi phí tài chính | | | | (17.355.030.825) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | 3.056.485.639 |
| Thu nhập khác | | | | 3.601.203.070 |
| Chi phí khác | | | | (724.380.661) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (23.364.083.090) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 132.738.529.661 |
| | | | | |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 12.680.105.846 | 158.278.047.884 | 75.485.527.886 | 246.443.681.616 |
| | | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 42.823.119.031 | 91.101.183.927 | 16.543.843.107 | 150.468.146.065 |
| | | | | |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 203.150.743.738 | 795.651.564.319 | 55.480.816.324 | 1.054.283.124.381 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 203.150.743.738 | 795.651.564.319 | 55.480.816.324 | 1.054.283.124.381 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Hoạt động khác | Cộng |
|---|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 89.850.671.242 | 110.779.368.380 | 18.673.696.578 | 219.303.736.200 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (61.303.048.262) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 158.000.687.938 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 14.671.888.632 |
| Chi phí tài chính | | | | (10.422.309.018) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | 2.189.059.147 |
| Thu nhập khác | | | | 23.761.994.749 |
| Chi phí khác | | | | (365.828.499) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (28.940.129.205) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 158.895.363.744 |

| | | | | |
|---|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 5.366.405.455 | 238.286.417.522 | 82.324.682.217 | 325.977.505.194 |
|---|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|

| | | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 47.971.024.535 | 57.062.554.648 | 13.747.408.160 | 118.780.987.343 |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 529.040.392.576 | 786.540.035.431 | 417.256.681.039 | 1.732.837.109.046 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 94.705.860.907 |
| Tổng tài sản | | | | 1.827.542.969.953 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 21.821.128.420 | 326.928.853.056 | 166.000.424.017 | 514.750.405.493 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 58.111.570.625 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 572.861.976.118 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 504.585.763.378 | 671.054.654.637 | 200.696.339.783 | 1.376.336.757.798 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 279.642.750.499 |
| Tổng tài sản | | | | 1.655.979.508.297 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 41.645.320.294 | 302.096.156.607 | 41.462.024.923 | 385.203.501.824 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 52.099.762.254 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 437.303.264.078 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

15-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn